

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Đà Nẵng, tháng 11 năm 2021**

### BẢNG KÝ HIỆU CÁC TỪ VIẾT TẮT

| TT  | CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ                           | VIẾT TẮT  |
|-----|-----------------------------------------|-----------|
| 1.  | Bộ Giáo dục và Đào tạo                  | BGD&ĐT    |
| 2.  | Cán bộ viên chức                        | CBVC      |
| 3.  | Chương trình đào tạo                    | CTĐT      |
| 4.  | Chương trình dạy học                    | CTDH      |
| 5.  | Chuẩn đầu ra                            | CĐR       |
| 6.  | Chất lượng đào tạo                      | CLĐT      |
| 7.  | Cố vấn học tập                          | CVHT      |
| 8.  | Cơ sở vật chất                          | CSVC      |
| 9.  | Đại học Sư phạm                         | ĐHSP      |
| 10. | Đại học Đà Nẵng                         | ĐHĐN      |
| 11. | Đảm bảo chất lượng                      | ĐBCL      |
| 12. | Đảm bảo chất lượng giáo dục             | ĐBCLGD    |
| 13. | Đề cương học phần                       | ĐCHP      |
| 14. | Giảng viên                              | GV        |
| 15. | Giáo dục đại học                        | GDDH      |
| 16. | Giáo dục và Đào tạo                     | GD&ĐT     |
| 17. | Giáo sư                                 | GS        |
| 18. | Kết quả học tập                         | KQHT      |
| 19. | Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục | KT&ĐBCLGD |
| 20. | Khoa học công nghệ                      | KHCN      |
| 21. | Kiểm định chất lượng                    | KĐCL      |
| 22. | Ký túc xá                               | KTX       |
| 23. | Nghiên cứu khoa học                     | NCKH      |
| 24. | Nghiên cứu sinh                         | NCS       |
| 25. | Nghiệp vụ sư phạm                       | NVSP      |
| 26. | Phó Giáo sư                             | PGS       |
| 27. | Phương pháp dạy học                     | PPDH      |
| 28. | Sinh viên                               | SV        |
| 29. | Giáo dục Tiểu học                       | GDTH      |
| 30. | Thạc sĩ                                 | ThS       |
| 31. | Thực tập tốt nghiệp                     | TTTN      |
| 32. | Tiến sĩ                                 | TS        |

|     |             |     |
|-----|-------------|-----|
| 33. | Tín chỉ     | TC  |
| 34. | Tự đánh giá | TĐG |

**Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo**  
(theo Thông tư số 23/2011/TT-BGDĐT, Thông tư số 49/2012/TT-BGDĐT,  
Thông tư số 33/2014/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN**

Mã: DDS

Tên CTĐT: **Cử nhân Giáo dục Tiểu học**

Mã CTĐT: 7140202

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|--------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức<br>trung<br>bình     | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
|                         | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5,0                      | 3                  | 100%                            |
| Tiêu chí 1.1            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.2            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.3            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5,0                      | 3                  | 100%                            |
| Tiêu chí 2.1            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.2            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.3            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5,0                      | 3                  | 100%                            |
| Tiêu chí 3.1            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.2            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.3            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5,0                      | 3                  | 100%                            |
| Tiêu chí 4.1            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.2            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.3            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5,0                      | 5                  | 100%                            |
| Tiêu chí 5.1            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.2            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.3            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|--------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức<br>trung<br>bình     | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
|                         | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.4            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.5            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5,0                      | 7                  | 100%                            |
| Tiêu chí 6.1            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.2            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.3            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.4            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.5            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.6            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.7            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5,0                      | 5                  | 100%                            |
| Tiêu chí 7.1            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.2            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.3            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.4            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.5            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5,0                      | 5                  | 100%                            |
| Tiêu chí 8.1            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.2            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.3            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.4            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.5            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 5,0                      | 5                  | 100%                            |
| Tiêu chí 9.1            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.2            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.3            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.4            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.5            |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí    | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|----------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|--------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                            | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức<br>trung<br>bình     | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
|                            | 1              | 2 | 3 | 4   | 5 | 6 | 7 |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>       |                |   |   |     |   |   |   | 5,0                      | 6                  | 100%                            |
| Tiêu chí 10.1              |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.2              |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.3              |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.4              |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.5              |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.6              |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>       |                |   |   |     |   |   |   | 5,0                      | 5                  | 100%                            |
| Tiêu chí 11.1              |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.2              |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.3              |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.4              |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.5              |                |   |   |     | X |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Đánh giá chung CTĐT</b> |                |   |   |     |   |   |   | <b>5,0</b>               | <b>50</b>          | <b>100%</b>                     |

## **PHẦN I. KHÁI QUÁT**

### **1. Đặt vấn đề**

Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP – ĐHĐN) nói chung, Khoa Giáo dục Tiểu học (GDTH) nói riêng luôn tôn chỉ với mục tiêu chất lượng, lấy việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Với lịch sử hơn 45 năm hình thành và phát triển, Trường ĐHSP – ĐHĐN vẫn luôn xác định lấy đào tạo sư phạm làm nòng cốt, xứng đáng là một trong 8 cơ sở đào tạo sư phạm trọng điểm quốc gia.

Khoa GDTH được thành lập từ năm 1996. Hiện nay, Khoa đang đảm nhận đào tạo các trình độ thạc sĩ Giáo dục học (GD Tiểu học), cử nhân GDTH, cử nhân Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Khoa đã đào tạo hàng ngàn giáo viên tiểu học chính quy có trình độ đại học, góp phần to lớn cho sự nghiệp phát triển giáo dục cấp Tiểu học khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Trong lộ trình đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ từ đào tạo tiếp cận nội dung sang đào tạo tiếp cận năng lực; Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 được ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGD&ĐT, đặt các trường sư phạm trước bối cảnh cần phải cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo giáo viên nhằm đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp cũng như nhiệm vụ dạy học trong giai đoạn mới. Do đó, việc kiểm định, đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) là hết sức cần thiết. Chất lượng đào tạo có vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển không những của ngành GDTH nói riêng mà còn của Trường ĐHSP - ĐHĐN nói chung. Khoa GDTH nhận thấy đây là một cơ hội tốt để rà soát, đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT GDTH để từ đó cải tiến chất lượng của CTĐT, tiến tới đào tạo theo hướng chuẩn khu vực, quốc tế. Do vậy, Khoa tiến hành đăng ký đánh giá CTĐT GDTH theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT).

Việc tự đánh giá CTĐT ngành GDTH sẽ giúp Nhà trường và Khoa GDTH tự xem xét, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu còn tồn tại để xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cho giai đoạn tiếp theo. Báo cáo tự đánh giá CTĐT GDTH được cấu trúc thành 04 phần: Phần I: Khái quát; Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn; Phần III: Kết luận; Phần IV: Phụ lục. Cụ thể như sau:

#### ***1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá***

Báo cáo Tự đánh giá (TĐG) cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng theo “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT

ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cấu trúc của báo cáo gồm 4 phần: Phần I: Khái quát; Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần III: Kết luận, Phần IV: Phụ lục.

**Phần I: Khái quát**, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng đã mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT. Trong phần này, báo cáo cũng mô tả tóm tắt về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của Khoa GDTH và Trường ĐHSP - ĐHĐN.

**Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí** bao gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT. Nội dung TĐG bao gồm: (1) Mục tiêu và CDR của CTĐT, (2) Bản mô tả CTĐT, (3) Cấu trúc và nội dung CTDH, (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học, (5) Đánh giá kết quả học tập của người học, (6) Đội ngũ giảng viên, (7) Đội ngũ nhân viên, (8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học, (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị, (10) Nâng cao chất lượng, (11) Kết quả đầu ra.

Trong mỗi tiêu chuẩn, bản báo cáo đều mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra tóm tắt những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, TĐG tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức TĐG, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

Sau khi mô tả và phân tích từng tiêu chí, báo cáo TĐG nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; các kế hoạch hành động được xây dựng để nâng cao chất lượng đào tạo và kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

**Phần III: Kết luận** về các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

Sau phần Kết luận là bản tổng hợp kết quả TĐG CTĐT GDTH của Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường ĐHSP - ĐHĐN.

**Phần IV. Phụ lục**, bao gồm các Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Danh sách thành viên Ban Thư ký, Danh sách thành viên các nhóm chuyên trách; Kế hoạch tự đánh giá; tổng hợp kết quả tự đánh giá và cung cấp thông tin chi tiết về các cơ sở dữ liệu để KĐCL CTĐT GDTH.

### **1.2. Mục đích tự đánh giá**

Việc tự đánh giá CTĐT GDTH giúp Nhà trường và Khoa GDTH đạt được các mục đích sau:

- Xác định mức độ đáp ứng của CTĐT đối với các mục tiêu đặt ra, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của trường đại học.

- Giải trình với cơ quản lí nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của CTĐT, làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình; nhà tuyển dụng lao động lựa chọn nhân lực.

- Tự xem xét, đánh giá hiện trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT GDTH để Trường ĐHSP - ĐHQĐ điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của nhà trường đối với xã hội và cộng đồng.

- TĐG CTĐT không chỉ là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài mà còn là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội. TĐG CTĐT đồng thời tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT GDTH.

- Giúp các CB GV của Khoa GDTH biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT GDTH theo hệ thống, qua đó đề xuất và thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT GDTH hiệu quả hơn.

### **1.3. Quy trình tự đánh giá**

Quy trình TĐG chất lượng CTĐT GDTH được thực hiện theo trình tự 6 bước theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
- Bước 3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng.
- Bước 4. Viết báo cáo TĐG
- Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.
- Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

### **1.4. Phạm vi tự đánh giá**

Khoa GDTH tiến hành hoạt động TĐG CTĐT GDTH dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu và sự cung cấp thông tin của các phòng chức năng trong Trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây (từ năm 2017 đến năm 2021).

### **1.5. Phương pháp và công cụ tự đánh giá**

Quá trình TĐG CTĐT GDTH của Khoa GDTH, Trường ĐHSP - ĐHQĐ dựa theo

từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng (Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH; Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn TĐG CTĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH); Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2020, của Cục quản lý chất lượng thuộc BGD&ĐT.

### ***1.6. Phương pháp mã hóa minh chứng***

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **[Hn.ab.cd.ef]**.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng”
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (ví dụ tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí tương ứng với tiêu chuẩn được đánh số ở trên (ab) (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (đánh số từ 01 đến hết).

### ***1.7. Sự tham gia của các bên liên quan***

Hội đồng TĐG CTĐT GDTH được thành lập theo Quyết định số 421/QĐ-ĐHSP ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP - ĐHQĐHN, gồm: Ban Giám hiệu, các CB GV của Khoa GDTH, các cán bộ phòng, ban, trung tâm trong Trường. Cụ thể, Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, các phòng chức năng cung cấp minh chứng. Bên cạnh đó sự phản hồi của SV, các cựu SV và nhà sử dụng lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc TĐG. Căn cứ vào các thông tin được cung cấp, Khoa GDTH tiến hành viết báo cáo TĐG CTĐT GDTH.

### ***1.8. Hội đồng tự đánh giá***

Hội đồng Tự đánh giá CTĐT GDTH và Ban Thư ký được thành lập theo Quyết định số 421/QĐ-ĐHSP ngày 09 tháng 3 năm 2021. Hội đồng TĐG gồm có 25 thành viên và Ban Thư ký gồm 17 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng TĐG gồm: 6 nhóm chuyên trách với 24 thành viên được thành lập theo Quyết định số 421/QĐ-ĐHSP ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP – ĐHQĐHN.

## **2. Tổng quan chung về Trường ĐHSP – ĐHQĐHN và các hoạt động đảm bảo**

## **chất lượng**

### **2.1. Giới thiệu chung về Trường ĐHSP – ĐHĐN**

Trường ĐHSP - ĐHĐN được thành lập theo Nghị định 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ, trên cơ sở tổ chức và sắp xếp lại các đơn vị: Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Nam - Đà Nẵng, cơ sở Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Đà Nẵng, Bộ môn cơ bản của Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, bộ môn văn hóa của Trường Công nhân kỹ thuật Nguyễn Văn Trỗi. Là trường thành viên thuộc ĐHĐN, Trường có chức năng và nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp, đào tạo cử nhân khoa học và đào tạo sau đại học; giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên thuộc ĐHĐN; nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trải qua gần 50 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHSP - ĐHĐN đã trở thành trường đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực; trung tâm nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trường ĐHSP - ĐHĐN là một trong 12 đơn vị thành viên của Đại học Đà Nẵng và là một trong bảy trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia. Hiện nay, Trường có 7 phòng chức năng, 13 khoa, 3 trung tâm và 02 tổ trực thuộc (Hình 1). Tính đến tháng 10/2021; Đội ngũ CBVC của Trường hiện nay có 340 người; trong đó có 243 GV với cơ cấu trình độ: 13 phó giáo sư, 121 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, 147 thạc sĩ; 63 NCS, 74 GV C.

Trong năm học 2021 - 2022, tổng số SV hệ chính quy bậc đại học đang học tại Trường là 8.500 sinh viên và gần 1000 học viên sau đại học. Tổng số học viên hệ vừa làm vừa học là 3.077 học viên. Tổng số lưu học sinh nước ngoài học tại trường là 95 sinh viên. Tính đến nay, Trường đã đào tạo được 2.258 tiến sĩ và thạc sĩ.

Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo 18 ngành thạc sĩ, 07 ngành tiến sĩ, 35 ngành bậc đại học (18 ngành sư phạm và 17 ngành cử nhân khoa học, trong đó có 04 ngành chất lượng cao). Đồng thời, Nhà trường được BGDDT giao nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn khác.

Trường có mối quan hệ hợp tác đào tạo với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu khác trong nước. Ngoài ra, trường còn liên kết với các trung tâm giáo dục thường xuyên và các trường cao đẳng trong cả nước, bồi dưỡng, nâng chuẩn giáo viên các cấp từ mầm non đến trung học phổ thông, đào tạo các ngành cử nhân khoa học.

Về hợp tác quốc tế, Trường ĐHSP - ĐHĐN có quan hệ hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu thuộc các nước Đông Âu, Nga và các nước SNG, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Canada, Úc, Ấn Độ và các nước thuộc khối ASEAN. Nhà trường đã tiếp nhận đào tạo cho trên 550 lưu học sinh thuộc các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, CHDCND Lào... Hiện tại, đang có trên 200

lưu học sinh nhiều nước đang theo học tiếng Việt và các chuyên ngành tại Trường ĐHSP - ĐHĐN.

Nhà trường đã vinh dự được trao tặng nhiều huân chương, cờ thi đua và bằng khen ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau: Huân chương Lao động hạng Ba (1985), Huân chương Lao động hạng Nhì (2002), Huân chương Lao động hạng Nhất (2016) cùng nhiều Cờ, Bằng khen khác của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo và Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Năm 2014, Trường ĐHSP - ĐHĐN được Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp hạng nằm trong 07 trường sư phạm trọng điểm của cả nước. Năm 2016, Nhà trường đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục. Năm 2019, Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Vật lý được AUN-QA công nhận đạt chuẩn chất lượng theo Chứng nhận số AP34UDOC18 ngày 20/12/2019.

Sứ mạng của Trường ĐHSP - ĐHĐN là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; CTDH, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung – Tây nguyên.

Tầm nhìn của Trường ĐHSP – ĐHĐN đến năm 2030 được xác định là trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia; đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo.

Triết lí giáo dục của Nhà trường là: Toàn diện – Khai phóng – Sáng tạo – Thực nghiệp. Cụ thể:

- **Giáo dục toàn diện:** Sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố đức - trí - thể - mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

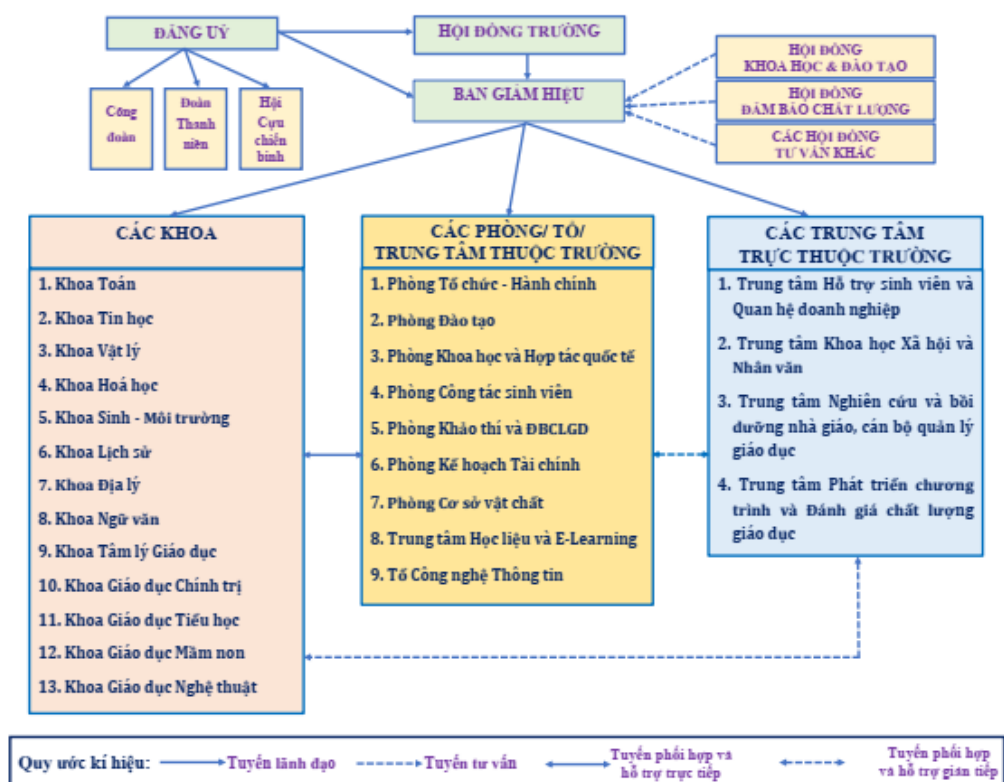
- **Khai phóng:** Giáo dục hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kĩ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

- **Sáng tạo:** Sáng tạo là đặc tính riêng có của con người, và là yêu cầu cần thiết đối với người làm khoa học. Hình thành tư duy sáng tạo, độc lập là cơ sở để tạo ra những sáng kiến, phát minh khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy của người giáo viên.

- **Thực nghiệp:** Thực nghiệp có vai trò quan trọng trong đào tạo, học phải đi đôi với hành, những kiến thức được tiếp nhận từ nhà trường phải vận dụng linh hoạt vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp.

Từ cơ sở xuất phát và chiến lược phát triển lâu dài, Trường đã xác định chức năng và nhiệm vụ của trường được thực hiện song hành là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển KT - XH của địa phương, khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG



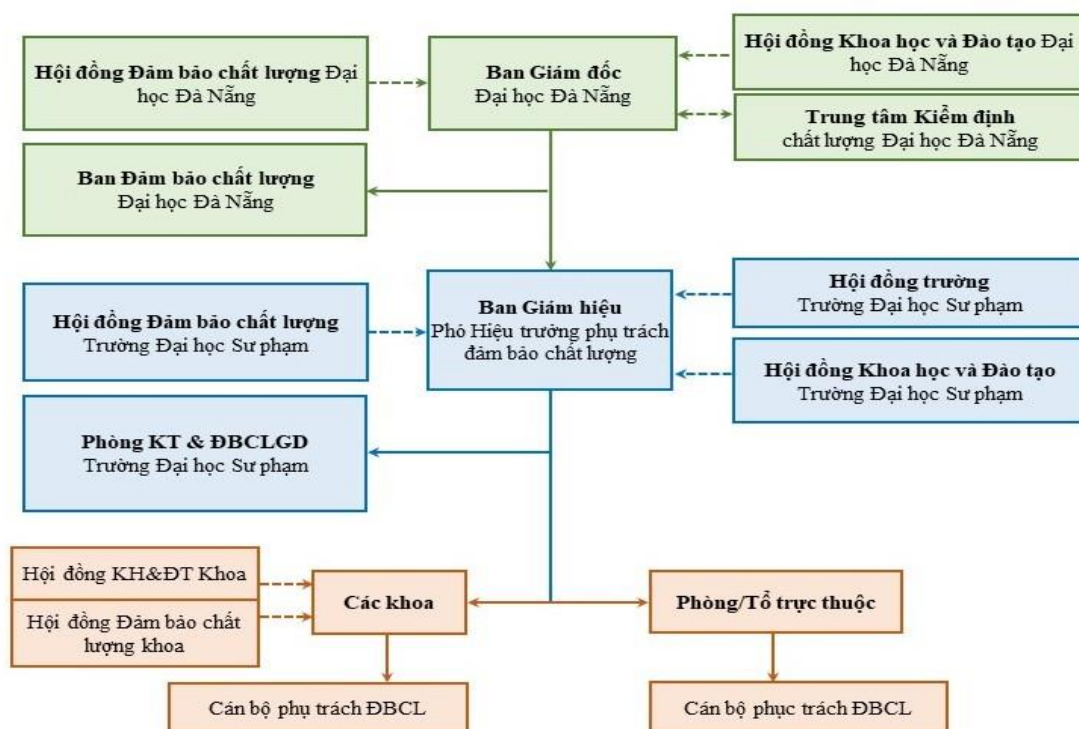
**Hình 1.** Hệ thống cơ cấu tổ chức trường ĐHSPT – ĐHĐN

### 2.2. Các hoạt động đảm bảo chất lượng

#### 2.2.1. Cấu trúc hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường ĐHSPT - ĐHĐN

Ngày 23/3/2016, Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường ĐHSPT - ĐHĐN theo Quyết định số 11/QĐ-KĐCL. Trường ĐHSPT - ĐHĐN là cơ sở giáo dục đại học đầu tiên trong cả nước được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng bởi một tổ chức kiểm định chất lượng độc lập của Việt Nam. Năm 2019, Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Vật lý được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn của AUN\_QA.

**CẤU TRÚC HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**



**Hình 2.** Cấu trúc hệ thống đảm bảo chất lượng Trường ĐHSP – ĐHN

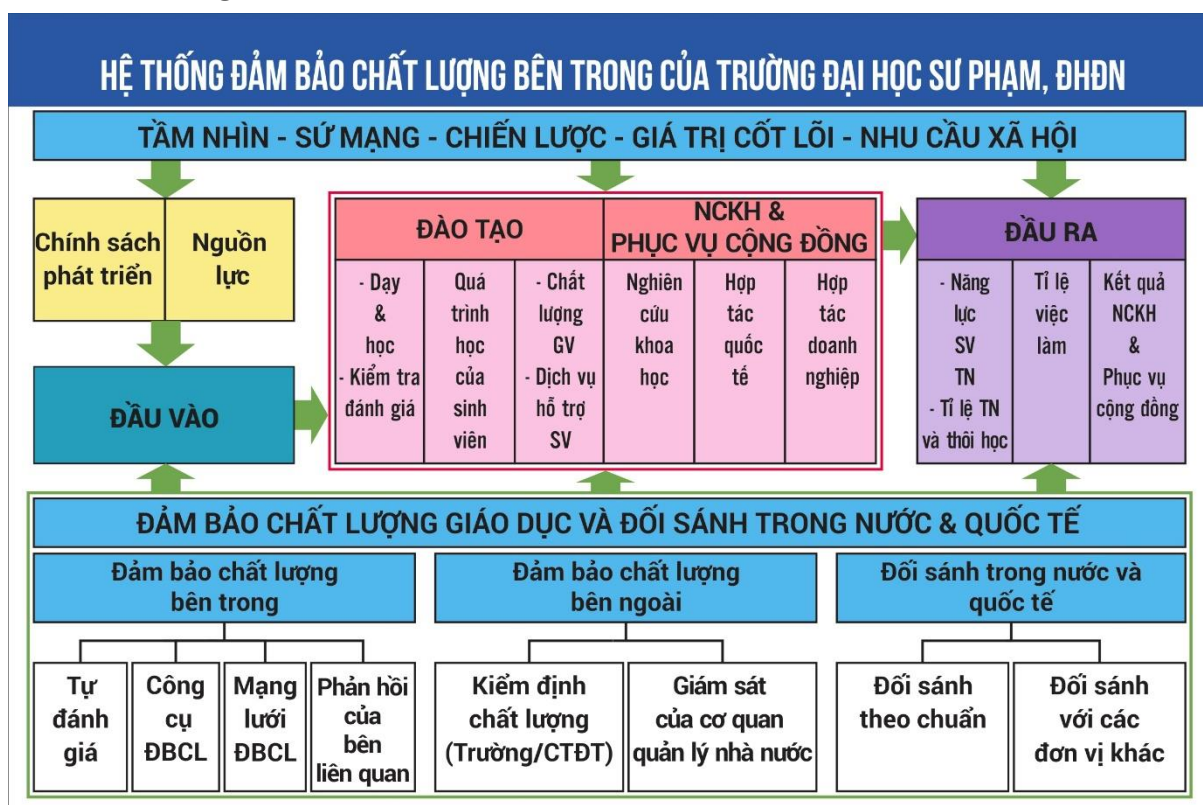
Nhận thấy được tầm quan trọng và sự cần thiết của việc kiểm định chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục, Giám đốc ĐHN đã thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐHS - ĐHN theo quyết định số 6649/QĐ-ĐHN ngày 12/11/2014 trên cơ sở cơ cấu lại Tổ Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục.

Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục được Nhà trường xác định là một trong những khâu quan trọng để nâng cao cũng như khẳng định chất lượng đào tạo đối với xã hội. Để nâng cao chất lượng đào tạo, ngoài việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp-phương tiện dạy học thì đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo có thể được xem như một khâu trong việc lập kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo. Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường hiện nay và trong tương lai. Đặc biệt là trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công việc luôn đổi mới thì việc nâng cao chất lượng đào tạo là yêu cầu cấp thiết.

Trường đã hoàn thành việc TĐG 10 chương trình đào tạo sư phạm trình độ đại học của trường. Các chương trình còn lại được đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của BGD&ĐT.

### 2.2.2. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Trường ĐHSPT – ĐHĐN được thể hiện theo sơ đồ trong **Hình 3**.



**Hình 3.** Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường ĐHSPT – ĐHĐN.

### 3. Mô tả tổng quan về Khoa Giáo dục Tiểu học

Khoa GDTH, Trường ĐHSPT - ĐHĐN được thành lập theo Quyết định số 176/QĐ/TC ngày 16 tháng 5 năm 1996 của Giám đốc ĐHĐN.

Khoa có chức năng đào tạo sau đại học, đại học ngành GDTH hệ chính quy và phi chính quy; bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp và bồi dưỡng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho giáo viên cấp Tiểu học. Hiện nay Khoa đang tổ chức đào tạo 2 chuyên ngành, Giáo dục Tiểu học và Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Từ khi thành lập đến nay, khoa đã đào tạo được 19 khóa Đại học với tổng số trên 2000 sinh viên chính quy ngành GDTH; hơn 150 học viên cao học chuyên ngành GDH (GD Tiểu học); hàng ngàn học viên hệ vừa làm vừa học và Bồi dưỡng cho hàng chục ngàn giáo viên tiểu học theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; Bồi dưỡng mô đun 1, mô đun 2, mô đun 3, mô đun 4,... đáp ứng CTGDPT 2018 cho hàng ngàn Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán, GV đại trà cấp Tiểu học của TP. Đà Nẵng và 5 tỉnh Tây Nguyên.

#### 3.1. Về đào tạo

Hiện nay, Khoa GDTH có nhiệm vụ đào tạo các chuyên ngành sau:

- 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Giáo dục học (GD Tiểu học), định hướng ứng dụng; Lí luận và PPDH bộ môn Toán, định hướng ứng dụng.
- 02 ngành đào tạo trình độ cử nhân sư phạm: Giáo dục Tiểu học; Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học.

Ngoài ra, Khoa còn đào tạo các hệ VLVH: Văn bằng 2 Đại học Tiểu học; Văn bằng 2 SP Tin học và Công nghệ Tiểu học; Trung cấp lên Đại học; Cao đẳng lên đại học; Xây dựng và phát triển các CTĐT trong phạm vi mã ngành thuộc Khoa quản lý.

### **3.2. Về nhân sự**

Toàn Khoa có 28 CBVC, trong đó có 1 PGS, 12 TS, 1 GVCC, 8 GVC, 8 NCS; 27 giảng viên, 1 giáo vụ khoa. Khoa được cơ cấu thành 4 tổ bộ môn: Tổ Toán và PPGD; Tổ Tiếng Việt và PPGD; Tổ Tự nhiên – Xã hội và PPGD; Tổ Công nghệ và PPGD.

### **3.3. Về công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế**

Khoa đã tổ chức triển khai nhiều đề tài NCKH các cấp (cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp Đại học Đà Nẵng, cấp Trường). Khoa cũng đã đầu tư và đẩy mạnh việc viết giáo trình, đề cương bài giảng, bài báo cho các tạp chí khoa học chuyên ngành, tham luận tại các Hội thảo quốc tế và Quốc gia. Ngoài ra, Khoa còn tập trung bồi dưỡng năng lực NCKH cho GV. Đẩy mạnh hoạt động của các nhóm nghiên cứu giảng dạy và chuẩn bị cho việc hình thành nhóm nghiên cứu mạnh; tăng cường hoạt động NCKH sinh viên.

Trong những năm qua Khoa không ngừng mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp tục củng cố, duy trì và thúc đẩy các mối quan hệ, hợp tác với các trường Đại học trên thế giới.

### **3.4. Về công tác sinh viên**

Khoa quản lý các hoạt động học tập và phong trào của học viên, sinh viên; thúc đẩy quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Năm học 2020-2021, Khoa GDTH quản lý 19 đơn vị lớp sinh viên, tổng cộng 1117 sinh viên đang theo học thuộc 02 ngành GDTH và SP Tin học và Công nghệ Tiểu học. Ngoài ra Khoa còn quản lý và giảng dạy 83 học viên Sau đại học, chuyên ngành thạc sĩ Giáo dục học (GD Tiểu học) và hàng trăm học viên hệ VLVH.

### **3.5. Về cơ sở vật chất**

Trường ĐHSPT – ĐHĐN trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, phương tiện dạy học bao gồm phòng thực hành giảng dạy, thư viện, giáo trình, tài liệu, thiết bị, phương tiện dạy học ở khoa GDCT và trường ĐHSPT - ĐHĐN phục vụ dạy - học, nghiên cứu là đầy đủ, tương đối phong phú và hiện đại có thể đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng và hiệu quả đào tạo trình độ đại học ngành GDCT, Giáo dục công dân.

Ngoài những cơ sở vật chất dùng chung của Trường, Khoa có 01 phòng Trưởng Khoa, 01 Văn phòng Khoa. Khoa tăng cường việc bảo trì cơ sở vật chất của nhà trường và của Khoa, đề xuất các trang thiết bị cần thiết cho các hoạt động giảng dạy, NCKH và quản lý của Khoa.

### **3.6. Về tổ chức các phong trào đoàn thể**

Khoa luôn đặt mục tiêu xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, nhân văn, hiệu quả, chuyên nghiệp và chất lượng. Khoa quản lý các hoạt động học tập, rèn luyện và phong trào Đoàn, Hội của sinh viên; thúc đẩy quá trình hình thành năng lực nghề

nghiệp theo chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT.

### **3.7. Giới thiệu ngành GDTH**

#### **3.7.1. Thông tin tổng quát**

|     |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Tên chương trình đào tạo<br>(tên tiếng Việt) | Giáo dục Tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 2.  | Tên chương trình đào tạo<br>(tên tiếng anh): | Primary Education                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 3.  | Trình độ đào tạo:                            | Đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 4.  | Mã ngành đào tạo:                            | 714 02 02                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 5.  | Đối tượng tuyển sinh:                        | Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 6.  | Thời gian đào tạo:                           | 4 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 7.  | Loại hình đào tạo:                           | Chính quy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 8.  | Số tín chỉ yêu cầu:                          | 130 tín chỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 9.  | Thang điểm:                                  | Thang 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 10. | Điều kiện tốt nghiệp:                        | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, bao gồm tất cả các học phần bắt buộc.</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra Tin học.</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 11. | Văn bằng tốt nghiệp:                         | Bằng Cử nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 12. | Vị trí việc làm:                             | <ul style="list-style-type: none"><li>- Giáo viên dạy học tại các trường tiểu học công lập, tư thục, quốc tế và chuyên biệt trong cả nước.</li><li>- Có thể giảng dạy tại các Khoa Giáo dục Tiểu học trong các trường trung cấp, cao đẳng và đại học sư phạm trong cả nước.</li><li>- Có thể làm việc tại các sở, ban, ngành, trung tâm, tổ chức phi chính phủ về giáo dục.</li><li>- Có thể trở thành cán bộ quản lý giáo dục các cấp.</li><li>- Có thể thành lập các trường tiểu học tư thục, dân lập, quốc tế, các trung tâm văn hoá...</li><li>- Có thể làm công tác nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu giáo dục.</li></ul> |
| 13. | Khả năng nâng cao trình độ:                  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Có năng lực tự học và học tập suốt đời, có thể học tập nâng cao trình độ lên thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học, quản lý giáo dục ở trong và ngoài nước.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

|     |                                             |                                                                                                                  |
|-----|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                             | - Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm và khoa học giáo dục ở các cấp quản lý khác nhau. |
| 14. | Chương trình đào tạo tiên tiến đã tham khảo | - Giáo dục Tiểu học – Trường ĐHSP Hà Nội<br>- GDTH trường Đại học Teikyo - Nhật Bản.                             |

### 3.7.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

#### a. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học chất lượng cao, có năng lực chuyên môn, nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học để dạy học, làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục tiểu học tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, và các đơn vị hành chính sự nghiệp giáo dục khác; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; có phẩm chất, đạo đức nhà giáo.

#### b. Mục tiêu cụ thể

- **PO1:** Có kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học giáo dục, khoa học quản lý và kiến thức chuyên sâu trong phạm vi của ngành đào tạo đáp ứng các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp và học tập suốt đời.

- **PO2:** Có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và nghiên cứu khoa học ở trường tiểu học.

- **PO3:** Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

- **PO4:** Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.

#### c. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành GDTH của Trường ĐHSP-ĐHĐN có khả năng:

▪ **PLO1:** Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học giáo dục vào hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp thuộc phạm vi Giáo dục Tiểu học.

- **PI 1.1.** Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào hoạt động giáo dục học sinh tiểu học.

- **PI 1.2.** Vận dụng kiến thức chuyên sâu về lí luận và phương pháp dạy học bộ môn vào hoạt động dạy học các môn học ở tiểu học.

▪ **PLO2:** Tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.

- **PI 2.1.** Lập kế hoạch giáo dục, dạy học các môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
- **PI 2.2.** Thực hiện hoạt động giáo dục và dạy học các môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
- **PI 2.3.** Tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
- **PI 2.4.** Phân tích và phát triển chương trình giáo dục cấp Tiểu học.
- **PLO3:** Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học.
  - **PI 3.1.** Vận dụng linh hoạt kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT vào hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học ở tiểu học.
  - **PI 3.2.** Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong giáo dục và dạy học tiểu học.
- **PLO4:** Xây dựng môi trường giáo dục tích cực.
  - **PI 4.1.** Giải quyết các tình huống ứng xử sư phạm.
  - **PI 4.2.** Tư vấn tâm lý và học tập cho học sinh tiểu học.
  - **PI 4.3.** Quản trị lớp học và quản lý hành vi học sinh tiểu học.
  - **PI 4.4.** Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động giáo dục và dạy học học sinh tiểu học.
- **PLO5:** Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong giáo dục và dạy học tiểu học.
  - **PI 5.1.** Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu.
  - **PI 5.2.** Lập được đề cương nghiên cứu của đề tài.
  - **PI 5.3.** Đề xuất được các giải pháp sư phạm trong cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học các môn học ở tiểu học.
- **PLO6:** Quản trị quá trình giáo dục và dạy học các môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
  - **PI 6.1.** Lập kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục từng khối lớp.
  - **PI 6.2.** Điều hành và giám sát các hoạt động theo kế hoạch đã được duyệt.
- **PLO7:** Thể hiện được tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.

- **PI 7.1.** Xem xét các vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau, đưa ra các lập luận logic và thuyết phục.
- **PI 7.2.** Phát hiện các vấn đề mới, ý tưởng mới, cách làm mới có tính sáng tạo phù hợp với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.
- **PI 7.3.** Giải quyết sáng tạo các vấn đề đa diện, đòi hỏi tính chất phối hợp cao, liên ngành, sự tổ chức thông tin đa dạng trong hoạt động giáo dục, dạy học và cuộc sống.
- **PLO8:** Thực hiện được các hoạt động giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội.
  - **PI 8.1.** Thể hiện các hành vi giao tiếp, hợp tác văn minh, lịch sự.
  - **PI 8.2.** Sử dụng hiệu quả các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội.
  - **PI 8.3.** Điều hành nhóm làm việc một cách hiệu quả.
- **PLO9:** Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo; tham gia phục vụ cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp.
  - **PI 9.1.** Thể hiện phẩm chất, đạo đức và tác phong chuẩn mực của nhà giáo.
  - **PI 9.2.** Tham gia các hoạt động truyền thông, tình nguyện, nhân đạo để phục vụ cộng đồng.
  - **PI 9.3.** Đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp.

### 3.6.3. Cấu trúc CTĐT:

Cấu trúc của CTĐT gồm 155TC của 66 HP (tính cả các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) được chia thành 2 khối kiến thức chính: Khối kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm: Khối kiến thức cơ sở ngành, Khối kiến thức chuyên ngành, Khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm, Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp. Cụ thể:

| STT      | Khối kiến thức                                                           | Số<br>tín<br>chỉ | Số tín chỉ  |             |       |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------|-------------|-------|
|          |                                                                          |                  | Bắt<br>buộc | Tự chọn     |       |
|          |                                                                          |                  |             | Bắt<br>buộc | Tự do |
| <b>A</b> | <b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>                                 | 15               | 15          | 0           | 0     |
| <b>B</b> | <b>Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>                             | 140              | 100         | 15          | 25    |
| I        | Khối kiến thức Cơ sở ngành                                               | 20               | 20          | 0           | 0     |
| II       | Khối kiến thức Chuyên ngành                                              | 29               | 21          | 3           | 5     |
| III      | <i>Khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm (đối với<br/>Khối ngành Sư phạm)</i> | 73               | 53          | 6           | 14    |

| STT                                       | Khối kiến thức                                  | Số<br>tín<br>chỉ | Số tín chỉ  |             |       |
|-------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------|-------------|-------------|-------|
|                                           |                                                 |                  | Bắt<br>buộc | Tự chọn     |       |
|                                           |                                                 |                  |             | Bắt<br>buộc | Tự do |
| IV                                        | Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp | 18               | 6           | 6           | 6     |
| <b>Tổng</b>                               |                                                 | 155              | 115         | 15          | 25    |
| <b>Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu</b> |                                                 | <b>130</b>       | <b>115</b>  | <b>15</b>   |       |

#### 3.7.4. Quá trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo

Theo Nghị định 32 của chính phủ, ngày 4/4/1994, ĐHĐN được thành lập, là Đại học vùng khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Thực hiện chủ trương đó, tháng 11/1995 trường CĐSP được thành lập trường ĐHSP trên cơ sở trường CĐSP và các khoa cơ bản Toán, Lý, Hóa của trường Đại học Bách khoa. Khoa GD Tiểu học-Mầm non là khoa trong trường ĐHSP. Năm 1997, Khoa Giáo dục Tiểu học đào tạo khóa học có trình độ Cao đẳng đầu tiên cho 2 ngành Sư phạm Tiểu học và Sư phạm Mầm non. Đến năm 2003, Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non đào tạo khóa học trình độ Đại học ngành Giáo dục Tiểu học đầu tiên. Đến tháng 11/2014, theo yêu cầu mới của trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non được tách thành 2 khoa và Khoa Giáo dục Tiểu học được thành lập.

Từ 2003 đến nay, Khoa GDTH đã có 16 khóa sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học tốt nghiệp ra trường. Phần lớn họ đã có được việc làm ổn định trong các cơ sở giáo dục; nhiều người đã và đang theo học cao học và là những cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên cốt cán tại các trường đại học, trường phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước.

Năm 2015, Trường ĐHSP – ĐHĐN là 1 trong 7 trường sư phạm trọng điểm quốc gia, vì thế theo chủ trương chung, CTĐT ngành GDTH được xây dựng tương thích với 7 trường sư phạm quốc gia. Năm 2017 được cập nhật điều chỉnh. Năm 2019 tiếp tục được cập nhật, điều chỉnh đáp ứng CTGDPT 2018, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư 20/2018/BGDĐT. Năm 2021, được rà soát, cải tiến thống nhất trong CTĐT hệ sư phạm chung của nhà trường.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

### Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

#### Mở đầu

Khoa GDTH, Trường ĐHSP - ĐHĐN là một trong những cơ sở đào tạo giáo viên tiểu học hàng đầu ở khu vực miền Trung. Trên cơ sở chương trình khung do BGD&ĐT ban hành và quy định, hướng dẫn của Trường ĐHSP - ĐHĐN, CTĐT GDTH thể hiện các chuẩn đầu ra (CĐR) dành cho SV tốt nghiệp và bao trùm các CDR

liên quan tới kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành và khối sư phạm. Quá trình xây dựng CTĐT có sự tham gia của đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, các nhà khoa học trong trường và các nhà quản lý chuyên môn trong cơ sở tuyển dụng lao động. Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, cụ thể, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường và mục tiêu của Luật giáo dục đại học; Mục tiêu và CDR của CTĐT đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, đặc biệt là yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo Việt Nam.

*Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

CTĐT ngành GDTH hệ đại học được thực hiện từ năm 2002 theo hình thức niên chế và chuyển sang hình thức tín chỉ từ năm 2005 cho SV các khóa về sau, **[H1.01.01.01]**. Năm 2017, CTĐT tiếp tục được đánh giá, cập nhật đáp ứng yêu cầu theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT và phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường **[H1.01.01.02]**. Năm 2019, CTĐT tiếp tục được rà soát, đánh giá, cập nhật theo định kỳ **[H1.01.01.03]**.

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành GDTH được xác định rõ ràng theo các quy định của BGD&ĐT và theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo đại học **[H1.01.01.04]**, **[H1.01.01.05]**. Cụ thể là: *Mục tiêu chung của CTĐT là đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học chất lượng cao, có năng lực chuyên môn, nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học để dạy học, làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục tiểu học tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, và các đơn vị hành chính sự nghiệp giáo dục khác; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; có phẩm chất, đạo đức nhà giáo.*

Mục tiêu cụ thể của CTĐT là sau khi tốt nghiệp, người học có: **[H1.01.01.05]**

- PO1: Có kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học giáo dục, khoa học quản lý và kiến thức chuyên sâu trong phạm vi của ngành đào tạo đáp ứng các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp và học tập suốt đời.

- PO2: Có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và nghiên cứu khoa học ở trường tiểu học.

- PO3: Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

- PO4: Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.

Việc điều chỉnh mục tiêu đào tạo giữa các lần rà soát, điều chỉnh CTĐT được thực hiện bám sát mục tiêu chung và cập nhật hơn theo yêu cầu thực tiễn và nhu cầu xã hội nhất là trong giai đoạn cách mạng 4.0 hiện nay. Cụ thể, năm 2017 mục tiêu của CTĐT GDTH được xây dựng theo hướng tiếp cận nội dung. Mục tiêu cụ thể được mô tả bao gồm phẩm chất đạo đức; kiến thức; kỹ năng. Năm 2019, mục tiêu CTĐT được rà soát và cập nhật thêm các kỹ năng mềm, mức độ tự chủ và ý tưởng sáng tạo của người học. Trong đó đã cập nhật tinh thần mới của CTGDPT 2018. Năm 2021, mục tiêu CTĐT đã được điều chỉnh thống nhất trong tất cả các ngành đào tạo sư phạm của nhà trường; có bổ sung khả năng khởi nghiệp, học tập suốt đời và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi. Mục tiêu cụ thể được mô tả theo 4 chủ đề: kiến thức nền tảng; năng lực giáo dục, dạy học; kỹ năng mềm và phẩm chất đạo đức nhà giáo [H1.01.01.06].

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành GDTH được xác định phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH 2019 được quy định tại Điều 2 về đào tạo on người Việt Nam và mục tiêu chung của GDĐH quy định tại Luật GDĐH năm 2012, sửa đổi năm 2018 đó là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo. Mục tiêu của CTĐT hoàn toàn phù hợp với mục tiêu cụ thể đối với đào tạo trình độ đại học được quy định tại Luật GDĐH năm 2012, sửa đổi năm 2018, để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên – xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo. Mục tiêu của CTĐT cũng được xác định phù hợp với mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSP-ĐHĐN [H1.01.01.07]. Trong các Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển Trường ĐHSP-ĐHĐN đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030 đề cập đến Trường ĐHSP-ĐHĐN trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia, đào tạo, NCKH đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn [H1.01.01.08]. Điều này được thể hiện ở bảng đối sánh sau:

| Sứ mạng – Tầm nhìn trường                                                                                                                                                                                                            | Mục tiêu CTĐT cấp trường                                                                    | Mục tiêu cụ thể của CTĐT GDTH                                                                                                                                                         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - <i>Sứ mạng</i> : Trường ĐHSP - ĐHĐN đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, | 1. Kiến thức chuyên môn toàn diện, hiểu biết sâu về nguyên lý và quy luật tự nhiên - xã hội | PO1.Có kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học giáo dục, khoa học quản lý và kiến thức chuyên sâu trong phạm vi của ngành |

| <b>Sứ mạng – Tầm nhìn trường</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Mục tiêu CTĐT cấp trường</b>                                                        | <b>Mục tiêu cụ thể của CTĐT GDTH</b>                                                                                                              |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước trọng tâm là khu vực Miền Trung-Tây Nguyên.<br>- <i>Tầm nhìn:</i> Đến năm 2030 Trường ĐHSP-ĐHĐN trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia, đào tạo, NCKH đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục đào tạo |                                                                                        | đào tạo đáp ứng các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp và học tập suốt đời.                                                                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2. Kỹ năng mềm, khả năng sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc | <b>PO3:</b> Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.                              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3. Năng lực giáo dục và phát triển nghề nghiệp                                         | <b>PO2:</b> Có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và nghiên cứu khoa học ở trường tiểu học. |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4. Đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp, sức khỏe tốt; ý thức phục vụ cộng đồng              | <b>PO4:</b> Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.                                                    |

Việc mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu GDĐH quy định tại Luật GDĐH, là một bước để CTĐT đạt được CĐR của chương trình, thực hiện được mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công tác quản lý, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế **[H1.01.01.09]**. Mục tiêu đào tạo của ngành GDTH được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch điều chỉnh, cập nhật và phát triển chương trình theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo tín chỉ và quy mô phát triển của Khoa, của trường. Trên cơ sở này, hàng năm, Khoa GDTH đều tổ chức rà soát, tổng kết và xây dựng kế hoạch đào tạo, nghiên cứu của khoa **[H1.01.01.10]**.

Khoa đã tích cực tham gia xây dựng, rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT. Khi xây dựng chương trình, các thành viên soạn thảo gồm các chuyên gia, nhà nghiên cứu, các GV trực thuộc các Bộ môn của Khoa đã tìm hiểu và lồng ghép tinh thần của sứ

mạng và tầm nhìn của Nhà trường vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo, đặc biệt là mục tiêu của CTĐT. Hội đồng Khoa thực hiện phản biện và thẩm định CTĐT [H1.01.01.11].

Việc thực hiện đánh giá, cập nhật mục tiêu CTĐT vào năm 2019, 2021 được thực hiện theo đúng quy trình. Sau khi xây dựng dự thảo CDR và chỉnh sửa CTĐT theo CDR, Khoa cũng đã lấy ý kiến đóng góp của GV, chuyên gia, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng [H1.01.01.12]. Các ý kiến đóng góp là cơ sở cho thấy những hạn chế mà mục tiêu CTĐT còn chưa đáp ứng với thực tế. Căn cứ vào ý kiến đóng góp này, mục tiêu CTĐT đã được điều chỉnh lại. Nhìn chung kết quả cho thấy sau khi chỉnh sửa mục tiêu CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Về tổng thể mục tiêu CTĐT sau khi điều chỉnh được tăng cường định hướng giúp SV có khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, đảm bảo sau khi ra trường có thể bắt tay ngay vào công việc, giảm thời gian đào tạo lại của các cơ sở GD. Mục tiêu của CTĐT cũng bổ sung các nội dung cho SV sau khi ra trường có khả năng tự phát triển bản thân thông qua việc phát triển các kỹ năng mềm. Các ý kiến góp ý chi tiết về chuyên môn của các bên liên quan được Khoa tích hợp vào nội dung CTĐT và đề cương chi tiết các học phần [H1.01.01.15], [H1.01.01.16].

Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được thể hiện rõ trong mục tiêu của CTĐT, giúp người học và những người quan tâm hình dung được công việc vị trí việc làm của SV ngành GDTH sau khi ra trường thông qua nội dung cũng như cơ cấu các học phần.

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTH được công bố công khai giúp các bên liên quan (GV, SV, NTD,...) dễ dàng tiếp cận thông qua nhiều hình thức: trang thông tin điện tử của Khoa, Sổ tay SV, CTĐT được lưu ở các Tổ Bộ môn, tờ rơi quảng bá và video giới thiệu về ngành đào tạo phục vụ cho công tác tư vấn tuyển sinh hàng năm... [H1.01.01.17], [H1.01.01.18], [H1.01.01.19].

## *2. Điểm mạnh*

- Mục tiêu của CTĐT ngành GDTH đã xác định rõ ràng, đáp ứng các quy định chung của ngành, đáp ứng ngày càng cao về nhu cầu của xã hội cũng như sự nghiệp đổi mới CTGDPT 2018 đối với giáo viên cấp Tiểu học;

- Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành GDTH hoàn toàn phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐHSP - ĐHĐN, và mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018; đồng thời phản ánh được nhu cầu của các đơn vị tuyển dụng giáo viên cấp Tiểu học;

- Mục tiêu được thiết kế một cách hệ thống, chuyên nghiệp, có những nội dung thống nhất chung trong toàn bộ CTĐT sư phạm của Nhà trường, và những nội dung

riêng đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo;

- Mục tiêu được cụ thể hóa thành các chuẩn đầu ra, làm cơ sở cho việc thiết kế các nội dung học tập, nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ; được công bố công khai, rộng rãi cho sinh viên, GV qua nhiều kênh khác nhau.

### 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành Giáo dục tiểu học chưa được tiến hành một cách hệ thống, sâu, rộng, vẫn còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị, người thực hiện         | Thời gian thực hiện     |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tổ chức lấy ý kiến phản hồi về mục tiêu CTĐT của người học, cựu SV ngành GDTH, các nhà tuyển dụng dưới nhiều hình thức khác nhau (trực tiếp, online,...) nhằm tăng thành phần, số lượng ý kiến các bên phản hồi để đảm bảo về tính toàn diện, hiệu quả trong xử lý thông tin, mục tiêu của CTĐT. Từ đó, đánh giá, cập nhật cho phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành GDTH trong giai đoạn mới. | Khoa GDTH<br>Phòng<br>KT&ĐBCLGD | Từ năm học<br>2022-2023 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tăng cường việc lấy khảo sát ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu đào tạo để điều chỉnh, cập nhật kịp thời, đảm bảo phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSP-ĐHĐN, với Luật Giáo dục 2019.                                                                                                                                                                                               | Khoa GDTH                       | Hàng năm                |

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

*Tiêu chí: 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo*

#### 1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT ngành GDTH được xác định rõ ràng, được mô tả bằng những

động từ hành động theo thang nhận thức Bloom thể hiện cam kết của Trường ĐHSP-ĐHĐN với người học và XH về kiến thức, kỹ năng và thái độ/năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp. Năm 2017, Nhà trường đã ban hành CĐR của CTĐT ngành GDTH để xác định yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với trình độ của CTĐT ngành GDTH, đáp ứng các yêu cầu chung của BGD&ĐT đối với chương trình GDTH, yêu cầu riêng của Trường ĐHSP-ĐHĐN đối với CTĐT ngành GDTH **[H1.01.02.01]**.

Để xây dựng CĐR của CTĐT ngành GDTH, Khoa đã dựa vào các căn cứ pháp lý: Chuẩn nghề nghiệp GV trong các cơ sở giáo dục phổ thông, được ban hành qua Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT, Luật Giáo dục 2019, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, Khung trình độ quốc gia Việt Nam **[H1.01.02.08]**, **[H1.01.02.09]**, **[H1.01.02.10]**.

Trên cơ sở các căn cứ pháp lý và quy định về xây dựng CĐR của CTĐT, Khoa GDTH đã tổ chức thực hiện theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Trường ĐHSP - ĐHĐN về việc điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT đại học đáp ứng yêu cầu của đào tạo tín chỉ; cụ thể là: thành lập nhóm chuyên gia biên soạn **[H1.01.02.02]**, lấy ý kiến của các bên có liên quan về CĐR, tham gia các phiên họp nghiệm thu CĐR ở các cấp **[H1.01.02.03]**.

CĐR của CTĐT GDTH được xác định như sau **[H1.01.02.04]**:

Người học tốt nghiệp CTĐT ngành GDTH của Trường ĐHSP - ĐHĐN có khả năng:

- **PLO1:** Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học giáo dục vào hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp thuộc phạm vi Giáo dục Tiểu học.
  - **PI 1.1.** Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào hoạt động giáo dục học sinh tiểu học.
  - **PI 1.2.** Vận dụng kiến thức chuyên sâu về lí luận và phương pháp dạy học bộ môn vào hoạt động dạy học các môn học ở tiểu học.
- **PLO2:** Tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
  - **PI 2.1.** Lập kế hoạch giáo dục, dạy học các môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
  - **PI 2.2.** Thực hiện hoạt động giáo dục và dạy học các môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
  - **PI 2.3.** Tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
  - **PI 2.4.** Phân tích và phát triển chương trình giáo dục cấp Tiểu học.

- **PLO3:** Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học.
  - **PI 3.1.** Vận dụng linh hoạt kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT vào hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học ở tiểu học.
  - **PI 3.2.** Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong giáo dục và dạy học tiểu học.
- **PLO4:** Xây dựng môi trường giáo dục tích cực.
  - **PI 4.1.** Giải quyết các tình huống ứng xử sư phạm.
  - **PI 4.2.** Tư vấn tâm lý và học tập cho học sinh tiểu học.
  - **PI 4.3.** Quản trị lớp học và quản lý hành vi học sinh tiểu học.
  - **PI 4.4.** Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động giáo dục và dạy học học sinh tiểu học.
- **PLO5:** Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong giáo dục và dạy học tiểu học.
  - **PI 5.1.** Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu.
  - **PI 5.2.** Lập được đề cương nghiên cứu của đề tài.
  - **PI 5.3.** Đề xuất được các giải pháp sư phạm trong cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học các môn học ở tiểu học.
- **PLO6:** Quản trị quá trình giáo dục và dạy học các môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
  - **PI 6.1.** Lập kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục từng khối lớp.
  - **PI 6.2.** Điều hành và giám sát các hoạt động theo kế hoạch đã được duyệt.
- **PLO7:** Thể hiện được tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.
  - **PI 7.1.** Xem xét các vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau, đưa ra các lập luận logic và thuyết phục.
  - **PI 7.2.** Phát hiện các vấn đề mới, ý tưởng mới, cách làm mới có tính sáng tạo phù hợp với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.
  - **PI 7.3.** Giải quyết sáng tạo các vấn đề đa diện, đòi hỏi tính chất phối hợp cao, liên ngành, sự tổ chức thông tin đa dạng trong hoạt động giáo dục, dạy học và cuộc sống.
- **PLO8:** Thực hiện được các hoạt động giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội.
  - **PI 8.1.** Thể hiện các hành vi giao tiếp, hợp tác văn minh, lịch sự.

- **PI 8.2.** Sử dụng hiệu quả các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội.
- **PI 8.3.** Điều hành nhóm làm việc một cách hiệu quả.
- **PLO9:** Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo; tham gia phục vụ cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp.
  - **PI 9.1.** Thể hiện phẩm chất, đạo đức và tác phong chuẩn mực của nhà giáo.
  - **PI 9.2.** Tham gia các hoạt động truyền thông, tình nguyện, nhân đạo để phục vụ cộng đồng.
  - **PI 9.3.** Đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp.

Định kỳ hàng năm, theo thông báo của ĐHĐN và Trường ĐHSP, Khoa thực hiện rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT, CĐR, được xác định rõ ràng trong CTĐT năm 2019 và năm 2021 [**H1.01.02.05**], [**H1.01.02.06**]. So sánh với CĐR năm 2017 và CĐR năm 2019, CĐR năm 2021 đã bổ sung thêm các yêu cầu theo đặc thù định hướng phát triển của Nhà trường, thể hiện được ma trận quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và CĐR, ma trận giữa các học phần và CĐR, ma trận đối sánh CĐR với Khung trình độ quốc gia [**H1.01.02.07**].

CĐR của CTĐT ngành GDTH phản ánh rõ sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [**H1.01.02.04**], với thế mạnh đào tạo chuyên sâu về GDTH. CĐR thể hiện thông qua 4 yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và vị trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp, giúp người học có thể tự chủ và chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp trong tương lai. CĐR của CTĐT cử nhân ngành GDTH đã bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

Các CĐR của CTĐT ngành GDTH hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT. Với mục tiêu giáo dục của Nhà trường là đào tạo ra những con người có phẩm chất, trí tuệ, sức lực và trách nhiệm với đất nước; có đủ năng lực trình độ để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, quản lý trong lĩnh vực liên quan đến giáo dục tiểu học tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, và các đơn vị hành chính sự nghiệp giáo dục khác; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để tự nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu hội nhập và cách mạng khoa học công nghệ. CĐR của CTĐT ngành GDTH bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT được xây dựng một cách rõ ràng giúp người dạy và người học có khả năng đo lường và đánh giá được các kỹ năng người học cần đạt được khi tốt nghiệp. Các yếu tố cũng được định lượng cụ thể như: có khả năng vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện các công việc cụ thể trong thực tế như thế nào; hoặc kiến thức ngoại ngữ cần đạt theo các chuẩn của khung tham chiếu IELTS, TOEIC, chuẩn Việt Nam...; hoặc chuẩn kiến thức tin học cần đạt là chuẩn Kỹ

năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2024 của Bộ trưởng Bộ thông tin và truyền thông.

CĐR của CTĐT ngành GDTH bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR ngành GDTH xác định rõ ràng những kỹ năng tổng hợp mà SV phải đạt được như: SV phải có kỹ năng hoàn thành công việc đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau. Về yêu cầu chuyên biệt, SV thực hành chuyên sâu trong việc thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và nghiên cứu khoa học ở trường tiểu học.

CĐR của CTĐT ngành GDTH được xác định rõ ràng, bao quát, cụ thể, thể hiện sự cam kết về năng lực mà người học sẽ đạt được khi tốt nghiệp. CĐR được xây dựng trên nguyên tắc viết SMART, nên hoàn toàn có thể đo lường, đánh giá được.

Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT còn được cụ thể hoá thông qua các PI; CĐR CLO của các học phần trong CTĐT sẽ đo lường và ĐG các PI **[H1.01.02.11]**.

CĐR của CTĐT đã nêu được triển vọng việc làm trong tương lai của sinh viên tốt nghiệp ngành cử nhân GDTH, cụ thể có thể trở thành:

- *Giáo viên dạy học tại các trường tiểu học công lập, tư thục, quốc tế và chuyên biệt trong cả nước.*
- *Có thể giảng dạy tại các Khoa Giáo dục Tiểu học trong các trường trung cấp, cao đẳng và đại học sư phạm trong cả nước.*
- *Có thể làm việc tại các sở, ban, ngành, trung tâm, tổ chức phi chính phủ về giáo dục.*
- *Có thể trở thành cán bộ quản lý giáo dục các cấp.*
- *Có thể thành lập các trường tiểu học tư thục, dân lập, quốc tế, các trung tâm văn hoá...*
- *Có thể làm công tác nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu giáo dục.*

Với các vị trí như trên, nhằm giúp SV thực hiện tốt các công việc trong thực tế, CTĐT đã xác định rõ các yêu cầu về kiến thức đại cương, cơ sở, chuyên ngành, ngoại ngữ để đảm bảo cả về đạo đức, kiến thức, kỹ năng cho người làm việc thực tế ở mức độ thông thạo các kỹ năng theo CĐR. Các học phần thực tập được xây dựng nhằm đánh giá, rèn luyện SV nhuần nhuyễn hơn nữa trong các hoạt động thực tế về giảng dạy ở tiểu học; Khóa luận tốt nghiệp được sử dụng để đánh giá một cách tổng quát nhất các kỹ năng, kiến thức và phẩm chất đạo đức của người học trước khi ra trường.

CĐR của CTĐT ngành GDTH được xác định tương thích với các yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động, được xác định căn cứ vào ma trận kỹ năng và được đánh giá, góp ý của các nhà tuyển dụng lao động và các bên liên quan **[H1.01.02. 12]**.

CĐR của CTĐT ngành GDTH cũng thể hiện được ma trận quan hệ giữa mục tiêu

đào tạo cũng như sự đóng góp của các học phần để đạt được CĐR, xác định những kiến thức, kỹ năng chuyên biệt mà SV học chuyên sâu các ngành cụ thể phải đạt tới, vị trí việc làm của SV sau tốt nghiệp trong đó nhấn mạnh đến các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp [H1.01.02.06].

## 2. Điểm mạnh

- CĐR của CTĐT đã được xác định rõ ràng, súc tích, trong đó đã đảm bảo được yêu cầu chung trong đào tạo đó là trang bị cho người học chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, triển vọng nghề nghiệp. Bên cạnh đó còn hướng người học tới chuyên môn chuyên biệt theo hướng chuyên sâu. CĐR được xây dựng đúng quy trình, đảm bảo quy định của BGD&ĐT;

- CĐR của CTĐT được thiết kế theo hướng phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin, nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập;

- CĐR của CTĐT khả thi, có thể đo lường và đánh giá được.

## 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện      | Thời gian thực hiện  |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Mở rộng quy mô khảo sát đến nhà tuyển dụng để đánh giá về CĐR của CTĐT ngành GDTH                                                | Khoa GDTH<br>Phòng KT&ĐBCLGD | Từ năm học 2022-2023 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT GDTH nhằm giúp người học đạt được những năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội. | Khoa GDTH                    | Hàng năm             |

## 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

*Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai*

### 1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu, CĐR của CTĐT ngành GDTH được xây dựng dựa trên tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường cũng như quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố mục tiêu, CĐR của CTĐT của trường, tiếp cận theo yêu cầu các bên liên quan bao gồm nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và người học [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. CĐR của CTĐT ngành GDTH đã được thẩm định và ban hành theo quy định của BGD&ĐT, ĐHĐN và của trường

#### **ĐHSP [H1.01.03.04], [H1.01.03.05].**

CĐR CTĐT ngành GDTH được xây dựng có sự tham khảo các CTĐT uy tín ở Việt Nam và trên thế giới như CTĐT ngành GDTH của ĐHSP Hà Nội, ĐH Teikyo Nhật Bản; đồng thời có sự tham gia của các chuyên gia cùng lĩnh vực trong và ngoài trường như ĐHSP Thái Nguyên; ĐHQG Hà Nội; ĐHSP TP. Hồ Chí Minh..., có sự tham khảo ý kiến rộng rãi từ phía giảng viên, SV, cựu SV và các nhà tuyển dụng thông qua hội nghị đào tạo và khảo sát online [H1.01.03.06], [H1.01.03.07]. Các nhà tuyển dụng đề cao yêu cầu về kiến thức chuyên môn, các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thích ứng với nghề nghiệp, năng lực ngoại ngữ... Những yêu cầu này đã được chuyển tải vào 9 CĐR của CTĐT và được cụ thể hoá ở các PI của từng CĐR [H1.01.03.08]. Từ 2017 đến nay, CĐR của CTĐT đã được chỉnh sửa, hoàn thiện sau khi tiếp thu ý kiến của các bên liên quan và CĐR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp SV định hướng tốt hơn về việc hoàn thành chương trình học tập của mình [H1.01.03.08].

CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ đạt được sau quá trình đào tạo, đồng thời phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan thông qua danh mục CĐR (về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học) và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng môn học. Trong quá trình xây dựng CTĐT, Khoa đã khảo sát và thu thập ý kiến SV, cựu người học, nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên các CĐR, cấu trúc CTĐT được dự kiến bởi các chuyên gia [H1.01.03.09].

Về cơ bản CĐR trong CTĐT năm 2021 tương tự năm 2019, vì theo kết quả khảo sát cho thấy CĐR ban hành năm 2019 đã đáp ứng cơ bản các yêu cầu của XH. Theo hướng dẫn thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH, Thạc sĩ, Tiến sĩ, Nhà trường đã cập nhật, thay đổi CĐR, phân mục tiêu của các học phần trong CTĐT từ nội dung “đạo đức nghề nghiệp” thành “năng lực tự chủ và trách nhiệm” [H1.01.03.08].

CĐR của CTĐT ngành GDTH được rà soát, điều chỉnh định kỳ đảm bảo bám sát yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và yêu cầu của thị trường lao động. Sau khi rà soát, CĐR năm 2017 bao gồm 8 tiêu chuẩn, 39 tiêu chí, đến năm 2019, Khoa đã điều chỉnh còn 15 tiêu chí, và năm 2021, Khoa tiếp tục điều chỉnh còn 9 PLO, với 25 PI. Cụ thể như sau:

**Bảng 1.3.1. So sánh CĐR chương trình đào tạo năm 2017, 2019 và 2021**

|                                                        |
|--------------------------------------------------------|
| <b>Các phiên bản CĐR của CTĐT năm 2017; 2019; 2021</b> |
|--------------------------------------------------------|

| <b><i>CĐR của CTĐT 2017</i></b>                                                                  | <b><i>CĐR của CTĐT 2019</i></b>                                                                              | <b><i>CĐR của CTĐT 2021</i></b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chưa chú ý đến sự tương thích với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của nhà trường và giáo dục đại học | Chưa đối sánh với Khung trình độ quốc gia; chưa có sự thống nhất chung trong các CTĐT sư phạm của nhà trường | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được phát biểu rõ ràng đầy đủ cơ sở pháp lý và thực tiễn.</li> <li>- Thống nhất chung với các CTĐT sư phạm trong toàn trường.</li> <li>- Phù hợp với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của nhà trường, mục tiêu giáo dục đại học.</li> <li>- Có tính cập nhật, đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp theo Thông tư 20, đáp ứng CTGDPT 2018.</li> <li>- Phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan</li> </ul> |

CĐR đã được Hội đồng khoa, Hội đồng Khoa học & Đào tạo cấp Trường thông qua, nghiệm thu, được Trường ĐHSP - ĐHĐN phê chuẩn, ra quyết định thực hiện [H1.01.03.08], [H01.01.03.05].

Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và cập nhật CĐR của CTĐT. So sánh với CTĐT năm 2017, 2019, CĐR năm 2021 đã xây dựng theo yêu cầu theo đặc thù định hướng phát triển của Nhà trường, theo yêu cầu của các bên liên quan và thị trường lao động.

CĐR ngành GDTH sau khi được xây dựng hay điều chỉnh đều được công bố công khai đến các bên liên quan thông qua website chính thức của Khoa giúp người học và xã hội dễ dàng tiếp cận và nắm bắt được các kiến thức trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp ngành GDTH; thông báo trực tiếp cho sinh viên qua Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa; qua đề cương môn học, bản mô tả CTĐT và được các bên liên quan tiếp nhận [H1.01.03.10], [H1.01.03.11], [H1.01.03.12].

Trong thời gian tới, Khoa GDTH sẽ tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh CĐR của CTĐT nhằm đáp ứng cao hơn nữa nhu cầu của các bên liên quan.

## ***2. Điểm mạnh***

- CĐR CTĐT ngành GDTH đã chuyển tải các yêu cầu của thị trường lao động nói riêng, yêu cầu của xã hội nói chung, giúp sinh viên có định hướng về việc làm sau khi tốt nghiệp và thích ứng với môi trường xã hội thay đổi;

- CĐR của chương trình được định kỳ rà soát hàng năm; quy trình xây dựng CĐR rõ ràng, đảm bảo tính khoa học, chuyển tải được nhu cầu của các bên liên quan;

- CĐR được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học, ở từng khối kiến thức và từng học phần cụ thể.

### 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến về CĐR của CTĐT ở các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào các trường tiêu học..

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện  |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Xây dựng kế hoạch định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR. Khoa giao cho các bộ môn thực hiện lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan theo các kênh trực tiếp, online, qua email, trong đó tập trung khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng và các chuyên gia để từ đó đưa ra định hướng, kế hoạch điều chỉnh CĐR phù hợp với ngành nghề đào tạo, nhu cầu thực tế. | Khoa GDTH               | Từ năm học 2022-2023 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR, tăng cường việc công bố CĐR đảm bảo mỗi sinh viên đều hiểu và dựa vào đó để định hướng cho hoạt động học tập của bản thân                                                                                                                                                                                | Khoa GDTH               | Hàng năm             |

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 1:**

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTH đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. Qua đó, SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết. CĐR CTĐT được thiết kế định lượng theo thông tư 07 và Chuẩn năng lực nghề nghiệp giáo viên làm căn cứ để người học và các bên liên quan dễ dàng thực hiện, kiểm tra đánh giá. CĐR và CTĐT trình độ đại học ngành GDTH được xây dựng

công phu với sự đầu tư trí tuệ, tâm huyết của của tập thể các nhà khoa học, các chuyên gia phát triển chương trình và đội ngũ CB GV có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao và được công bố công khai trên nhiều hình thức các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

CĐR ngành GDTH được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư), ở từng học phần cụ thể.

Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT mới được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường; Khoa chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học cũng như chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

*Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1: 3/3 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7.*

## **Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

### **Mở đầu**

Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH) trình độ Đại học là tài liệu cung cấp các thông tin quan trọng về ngành đào tạo, được xây dựng trên cơ sở quy định và hướng dẫn do Bộ GD&ĐT ban hành. Bản mô tả CTĐT là nguồn thông tin cần thiết giúp người học, nhà tuyển dụng và xã hội hiểu rõ về yêu cầu chất lượng đầu ra và các điều kiện cần thiết để đạt được các yêu cầu chất lượng; từ đó, người học có kế hoạch học tập phù hợp, nhà tuyển dụng có được những thông tin hữu ích phục vụ cho quá trình tuyển dụng nhân sự.

Bản mô tả CTĐT ngành GDTH là tài liệu cung cấp các thông tin về cơ sở đào tạo, CTĐT; mã ngành đào tạo; thời gian đào tạo; cơ sở pháp lý và thực tiễn về chương trình; mục tiêu; chuẩn đầu ra (CĐR); điều kiện tốt nghiệp; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; cấu trúc chương trình; nội dung, kế hoạch giảng dạy; ma trận thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần; các đề cương tóm tắt học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần... được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Đồng thời là cơ sở phục vụ cho việc triển khai có hiệu quả các hoạt động đào tạo, rà soát và cải tiến chương trình của Khoa GDTH và Trường ĐHSP - ĐHĐN; đồng thời là minh chứng cho khả năng và cam kết đảm bảo đạt được các CĐR của CTĐT. Bên cạnh đó, bản mô tả CTĐT cũng là nguồn thông tin giúp các chuyên gia, cơ quan thẩm định và các cơ quan quản lý liên quan có thể đánh giá được tính khả thi, chất lượng của CTĐT.

*Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT ngành GDTH được xây dựng dựa trên cơ sở quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Đại học Đà Nẵng và của Trường Đại học Sư Phạm [H2.02.01.01]

**[H2.02.01.02] [H2.02.01.03] [H2.02.01.04].** Trong giai đoạn năm 2017 - 2019, bản mô tả CTĐT ngành GDTH được xây dựng và ban hành thành một tài liệu riêng biệt và các thông tin được trình bày dưới dạng "*Chương trình GDDH ngành GDTH*" theo quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGD&ĐT, Thông tư 22/2017/TT- BGD&ĐT và đã được Trường ĐHSP - ĐHĐN ban hành vào trước mỗi khóa đào tạo **[H2.02.01.05] [H2.02.01.06].** Về cơ bản, các thông tin được cung cấp trong các tài liệu này bao gồm: Thông tin chung về đơn vị, ngành, văn bằng, thời gian và hình thức đào tạo; MT và CĐR; Khối lượng kiến thức SV cần tích lũy; Đối tượng tuyển sinh; Quy trình đào tạo, thang điểm và điều kiện tốt nghiệp; Cấu trúc và khung chương trình; Kế hoạch đào tạo; Đề cương các HP; Danh sách đội ngũ GV; và CSVC phục vụ. Tuy nhiên, từ năm 2021, bên cạnh "*Chương trình GDDH ngành GDTH* " **[H2.02.01.06]** Trường đã bổ sung bản mô tả CTĐT năm 2021 theo yêu cầu tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT **[H2.02.01.07].** Quy trình xây dựng bản mô tả CTĐT năm 2021 đã được thực hiện theo quy định về việc rà soát, cập nhật và ban hành CTĐT của Trường ĐHSP - ĐHĐN **[H2.02.01.09].** Ngoài các mục thông tin đã được mô tả trong "*Chương trình GDDH ngành GDTH* ", bản mô tả CTĐT 2021 đã bổ sung thêm các mục nội dung: Ma trận MT và CĐR; Ma trận kiến thức và ma trận kỹ năng; Ma trận CĐR CTĐT và CĐR HP; CTDH; Đối sánh giữa CTĐT Giáo dục Tiểu học với các CTĐT khác; Phương pháp/chiến lược dạy - học và phương pháp kiểm tra, đánh giá,... để làm rõ hơn về CTĐT **[H2.02.01.08].** Thông qua các hoạt động rà soát và cải tiến CTĐT theo kế hoạch của Nhà trường trong các năm 2017 và 2019, 2021 bản mô tả CTĐT ngành GDTH đã được cập nhật hình thức lẫn nội dung qua các năm với MT phù hợp với các quy định hiện hành và ngày càng nâng cao chất lượng; trong đó các yếu tố để đạt được MT CTĐT đã được cấu trúc một cách có hệ thống, logic thông qua các ma trận và sự bổ sung các nhóm phương pháp dạy và học, các rubric kiểm tra và đánh giá **[H2.02.01.06] [H2.01.01.08] [H2.02.01.09].** Các nội dung được cập nhật trong bản mô tả chương trình GDTH 2021 có tính kế thừa và là kết quả của việc thu thập và phân tích ý kiến phản hồi của sinh viên, nhà tuyển dụng và giảng viên **[H2.02.01.109]; [H2.02.01.10].**

Cùng với việc điều chỉnh CTĐT, bản mô tả CTĐT ngành GDTH được cập nhật và tích hợp với sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan nhằm nâng cao khả năng đạt được các KQHT của người học, điều này được thực hiện sau khi đã tổng hợp ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR **[H2.02.01.11].** CĐR và nội dung CĐR trong bản mô tả CTĐT được thể hiện rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu và có phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả dự kiến nhằm đạt được CĐR tương ứng. Thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan, có tới 80% ý kiến của các giảng viên, chuyên gia tham gia giảng dạy CTĐT của Khoa GDTH và 85 % ý kiến của

sinh viên đánh giá về bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin cần thiết để SV có thể thiết lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn **[H2.02.01.10]**. CĐR và nội dung CTĐT trong bản mô tả CTĐT được thể hiện rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu và có phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả dự kiến nhằm đạt được CĐR tương ứng. CTĐT trong bản mô tả CTĐT 2021 được xây dựng, hoàn thiện trên cơ sở tham khảo một số CTĐT cùng ngành của cơ sở giáo dục trong và ngoài nước **[H2.02.01.12]**. Bản mô tả chương trình được so sánh giữa các năm để điều chỉnh ngành GDTH, giải trình điều chỉnh các học phần trong CTĐT ngành GDTH, được thực hiện với sự trao đổi thảo luận của Hội đồng Khoa cùng các bộ môn chuyên môn **[H2.02.01.13]**. Việc bổ sung, cập nhật những học phần mới vào bản mô tả CTĐT GDTH giúp người học sau khi tốt nghiệp có thể giảng dạy tốt ở bậc tiểu học theo chương trình GDPT mới. Ý kiến phản hồi của GV, người học, cựu người học và nhà tuyển dụng đã được sử dụng làm căn cứ để cập nhật, điều chỉnh trong bản mô tả CTĐT GDTH **[H2.02.01.11]**.

Nhà trường đã ban hành CTĐT ngành GDTH và đề cương chi tiết các học phần trình độ đại học hệ chính quy ngành GDTH. CTĐT ngành GDTH sau khi được ký ban hành đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa và Tổ Bộ môn thông báo các quyết định ban hành CTĐT và ĐCCT ngành GDTH đến GV, có vấn học tập, SV để cập nhật và phục vụ cho hoạt động dạy và học **[H2.02.01.14]**.

### *2. Điểm mạnh*

- Bản mô tả CTĐT ngành GDTH được xây dựng trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; đầy đủ và tường minh về mục tiêu đào tạo, CĐR, ma trận kỹ năng thể hiện quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và CĐR, ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR, vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; thời gian đào tạo; khối lượng kiến thức toàn khóa học; đối tượng tuyển sinh; điều kiện tốt nghiệp; nội dung CTĐT bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; kế hoạch giảng dạy dự kiến và được cập nhật. Qua bản mô tả CTĐT, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến của toàn bộ khóa học, PPDH và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của CTĐT;

- Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật qua từng năm học.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với bản mô tả CTĐT chỉ mới thực hiện chủ yếu đối với các đối tượng: GV, SV và NTD, tuy nhiên số lượng phiếu cũng như ý kiến của nhà tuyển dụng lao động chưa nhiều.

### *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị, người thực hiện    | Thời gian thực hiện    |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tăng cường mối quan hệ với các nhà tuyển dụng lao động nhiều hơn nữa, nhằm tạo cơ hội cho SV tiếp cận kiến thức thực tế trong quá trình học tập, đồng thời thực tập tốt nghiệp tại các trường tiểu học. Tích cực lấy ý kiến góp ý của các nhà tuyển dụng lao động cho bản mô tả CTĐT ngành GDTH bổ sung thông tin, hướng dẫn việc thực thi chương trình cũng như phổ biến nội dung CTĐT được hoàn thiện, nhằm nâng cao chất lượng CTĐT đáp ứng thị trường lao động. | Khoa GDTH<br>Phòng Đào tạo | Từ năm học 2022 - 2023 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật bổ sung các nội dung trong bản mô tả CTĐT ngành GDTH.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Khoa GDTH<br>Phòng Đào tạo | Hàng năm               |

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

*Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật*

*1. Mô tả hiện trạng*

Đề cương các học phần vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa đóng vai trò là bản cam kết giúp GV và SV thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CĐR của học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng trong đề cương.

Học phần (HP) được xem là một yếu tố quan trọng góp phần hỗ trợ để đạt được CĐR của Chương trình đào tạo (CTĐT), do đó Đề cương học phần luôn được xây dựng, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CĐR CTĐT. Mỗi CĐR chi tiết từng học phần luôn được gắn liền với hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh ĐCHP, Khoa GDTH đã luôn bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường **[H2.02.02.01]**

**[H2.02.02.02].** Bên cạnh đó ĐCHP được xây dựng dựa trên cơ sở đóng góp của học phần đáp ứng CĐR của CTĐT do giáo viên (GV) biên soạn và được định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường **[H2.02.02.03].**

**[H2.02.02.04].** Đề cương học phần được thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: thông tin về bộ môn phụ trách học phần, số tín chỉ, thời gian học trên lớp và thời gian tự học ở nhà, mục tiêu của học phần, tài liệu tham khảo, phương pháp và hình thức dạy học, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, nội dung chi tiết học phần **[H2.02.02.05]**

Đề cương phải bảo đảm thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: CĐR học phần, phương pháp dạy - học để có thể và phương pháp kiểm tra đánh giá. Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định **[H2.02.02.06].**

Sự đóng góp của các HP vào CĐR CTĐT đã được thể hiện thông qua “*Ma trận tương quan giữa CĐR của các HP và chuẩn đầu ra của CTĐT*” và “*Ma trận phát triển các kỹ năng, kiến thức*”. Đồng thời, việc phân tích ma trận kỹ năng giúp Khoa nhận biết được những điểm yếu trong cấu trúc hay khung CTĐT; giúp xây dựng kế hoạch đánh giá mức độ người học đạt được các CĐR; giúp các giảng viên cùng dạy CTĐT có thể tăng cường phối hợp tốt hơn trong việc kiểm tra đánh giá để giúp người học đạt được các CĐR **[H2.02.02.07] [H2.02.02.08].** Quy trình gồm các bước: (1) *Phân công và hướng dẫn cá nhân/nhóm phụ trách viết/điều chỉnh đề cương*; (2) *Thảo luận và góp ý kiến cấp Bộ môn*; (3) *Thảo luận và góp ý kiến và cấp Hội đồng Khoa*; (4) *Chỉnh sửa đề cương HP theo các góp ý từ các bên liên quan*; (5) *Thẩm định và phê duyệt đề cương cấp Trường*; (6) *Ban hành chính thức*. Nội dung các ĐCHP được xây dựng và bao gồm các thông tin thể hiện sự đóng góp của HP đối với CĐR CTĐT, như: thông tin chung, MT, CĐR HP, nội dung chi tiết, phương pháp dạy - học, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo... **[H2.02.02.05].** Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và được thể hiện ở các CĐR của từng học phần. Trong mỗi ĐCHP thể hiện được mức độ đóng góp của các môn học so với CĐR của CTĐT **[H2.02.02.09].**

Trong các năm 2017 và 2019, Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH), nội dung các ĐCHP cơ bản cũng đã được điều chỉnh theo hướng phù hợp với CĐR của CTĐT **[H2.02.02.10].** Nhìn chung, các ĐCHP của CTĐT ngành GDTH năm 2017 cung cấp các thông tin liên quan, bao gồm: Tên, thông tin chung, mô tả, MT, nội dung chi tiết HP và phương pháp dạy và học, phương thức kiểm tra và đánh giá, tài liệu học tập/tham khảo, cá nhân/đơn vị phụ trách **[H2.02.02.11]**; Tuy nhiên, khác với các ĐCHP 2017, ĐCHP 2019 đã có sự điều chỉnh nội dung chi tiết của một số HP và bổ sung thêm các thông tin liên quan khác như: MT, quan hệ chuẩn đầu ra và nội dung học phần, phân bổ thời gian theo số tiết tín chỉ, nội dung chi tiết và kế hoạch học phần **[H2.02.02.12].** Trong khi đó, so với

các ĐCHP 2017 và 2019, các ĐCHP 2021 đã có những sự cải tiến đáng kể về hình thức và nội dung, cụ thể: *các thông tin chung được liệt kê chi tiết; MT được cụ thể hóa bằng các chuẩn đầu ra có thể đo lường được; sự đóng góp của HP đối với CĐR CTĐT được mô tả bằng các ma trận; phương pháp và kế hoạch dạy - học, phương pháp kiểm tra lần đầu tiên được bổ sung để phục vụ việc đánh giá mức đạt được các CĐR HP, phục vụ đánh giá mức đạt được CĐR CTĐT; danh mục tài liệu mới (Bảng 2.1) [H2.02.02.09].* Việc xác định CĐR của học phần đã giúp người học hiểu rõ vai trò vị trí của học phần trong CTĐT cũng như sự đóng góp của học phần trong việc đạt được CĐR nào của CTĐT. Điểm khác biệt cơ bản giữa ĐCHP năm 2019 và 2021 là CĐR và phương pháp đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể để SV đạt CĐR của học phần. Bên cạnh đó, giờ tự học cũng được xác định rõ để tăng cường năng lực tự học suốt đời của người học. Trong ĐCHP đã xác định rõ mức độ đóng góp của học phần để đạt được CĐR của CTĐT, thể hiện ở bảng ma trận giữa CĐR học phần với CĐR CTĐT [H2.02.02.07]. Đặc biệt, trong quá trình cập nhật ĐCHP 2021, Khoa và Nhà trường đã rất chú ý đến việc lấy ý kiến của các chuyên gia, GV về các nội dung để điều chỉnh phù hợp [H2.02.02.13]. Ngoài ra, việc rà soát ĐCHP được tổ chức thực hiện thường xuyên ở cấp Bộ môn (được đưa vào hoạt động chuyên môn của Bộ môn), qua đó có những báo cáo và điều chỉnh kịp thời đối với những nội dung không phù hợp. Tuy nhiên, việc triển khai lấy ý kiến phản hồi của NH, chuyên gia và nhà tuyển dụng (NTD) về ĐCHP vẫn còn hạn chế về quy mô và đối tượng, chưa có sự kết hợp giữa hình thức trực tiếp với gián tiếp.

**Bảng 2.2.1.** So sánh những nội dung chính đã cập nhật trong các ĐCHP qua các năm.

| So sánh            | ĐCCT của các HP trong CTĐT GDTH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                       |                                       |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
|                    | 2017                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2019                                  | 2021                                  |
| Giống nhau         | <p>Đề cương các HP đều bao gồm các nội dung cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tin về HP: HP tiên quyết/học trước/song hành, mã HP,...</li><li>- Mô tả học phần</li><li>- MT HP</li><li>- Nội dung chi tiết của HP và hướng dẫn thực hiện nội dung.</li><li>- Các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá NH, giúp NH đạt được các kết quả của HP...</li><li>- Các thông tin về nguồn học liệu (gồm các giáo trình và tài liệu tham khảo đa dạng)</li></ul> |                                       |                                       |
| Khác nhau          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                       |                                       |
| 1. Thông tin về HP | Thiếu thông tin GV đảm nhận giảng dạy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Có thông tin GV đảm nhận giảng dạy HP | Có thông tin 02 GV đảm nhận giảng dạy |

|                                                 | HP                                                                                         |                                                                                                                                           | HP                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2. MT và CDR                                    | MT xây dựng theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ; và chưa được cụ thể hóa bằng CDR HP. | MT xây dựng theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm; và được cụ thể hóa bằng CDR HP nhưng chưa đo lường được. | MT xây dựng theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm; và được cụ thể hóa bằng CDR HP có thể đo lường.    |
| 3. Xác định mức độ đóng góp của HP vào CDR CTĐT | Chưa xác định                                                                              | Chưa xác định                                                                                                                             | Xác định cụ thể thông qua các ma trận                                                                                               |
| 4. Nội dung chi tiết                            | Cập nhật                                                                                   | Nội dung chi tiết HP 2017 + cập nhật                                                                                                      | Nội dung chi tiết HP 2019 + cập nhật                                                                                                |
| 5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học       | Chưa xác định rõ ràng                                                                      | Chưa xác định rõ ràng                                                                                                                     | Xác định rõ cách thức và mục đích sử dụng của mỗi phương pháp để giúp SV đạt được CDR nào của HP, Xác định rõ trong từng chương mục |

100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường **[H2.02.02.06]**. Tất cả đề cương học phần đều được công khai trên website khoa (<https://pri.ued.udn.vn>). Ngoài ra, mỗi GV đều cung cấp cho SV ĐCCT ngay khi bắt đầu học phần.

Các đề cương học phần đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT của các trường đại học tiên tiến ở trong và ngoài nước, có sự chọn lọc phù hợp với điều kiện của nhà trường. **[H2.02.02.14]**.

Có thể khẳng định, ĐCCT CTĐT ngành GDTH hiện nay đã bao gồm đầy đủ các thông tin cần thiết và đã hỗ trợ, định hướng hoạt động dạy và học một cách rõ ràng và luôn được cập nhật những nội dung mới một cách thường xuyên.

## 2. Điểm mạnh

100% ĐCHP cung cấp thông tin đầy đủ và rõ ràng, được cập nhật và chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường đáp ứng nhu cầu xã hội và yêu cầu đổi mới đào tạo giáo viên dạy học CTGDPT sau 2018 theo định hướng ứng dụng và phát triển năng lực. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh

giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

### 3. Điểm tồn tại

- Việc cập nhật các ĐCHP chỉ mới dựa trên ý kiến phản hồi của SV và GV, quy mô khảo sát còn hạn chế;

- Một số HP vẫn chưa có một giáo trình chính, thay vào đó vẫn đang sử dụng kết hợp các giáo trình khác nhau.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                     | Đơn vị, người thực hiện      | Thời gian thực hiện    |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Mở rộng quy mô, đối tượng lấy ý kiến của các GV, SV, chuyên gia, NTD về nội dung ĐCHP bằng hình thức gián tiếp qua hệ thống khảo sát online. | Khoa GDTH<br>Phòng KT&ĐBCLGD | Từ năm học 2022 - 2023 |
|    |                    | Xây dựng các giáo trình chính cho các HP còn thiếu                                                                                           | Khoa GDTH                    | Từ năm học 2022 - 2023 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục rà soát và cập nhật ĐCHP thường xuyên.<br>Công khai đề cương học phần đến SV; kiểm soát việc thực hiện đề cương học phần để ĐBCL.   | Khoa GDTH                    | Hàng năm               |

### 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

*Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các HP được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCHP đến các bên liên quan luôn được Nhà trường xác định là đóng vai trò quan trọng đối với việc đảm bảo chất lượng CTĐT. Toàn bộ hoặc một phần văn bản các nội dung của bản mô tả CTĐT Giáo dục Tiểu học và ĐCHP đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, bao gồm 04 hình thức chủ yếu: (1) phổ biến trực tiếp cho SV vào đầu khóa học thông qua CVHT và GV giảng dạy; (2) lưu hành trong thư viện Nhà trường như tài liệu tham khảo cho SV; (3) đăng tải trên website đào tạo của Nhà trường và Khoa với quyền truy cập mở cho các đối tượng; (4) cung cấp trực tiếp đến SV, NTD, chuyên gia thông qua các chương trình hội thảo do Trường và Khoa tổ chức; **[H2.02.03.01]** Ngoài ra,

các tài liệu trên cũng được cung cấp trực tiếp đến các GV cơ hữu và thỉnh giảng theo quy định[H2.02.03.02]. Với các hình thức công khai liệt kê ở trên đã giúp cho SV, GV, NTD, chuyên gia dễ dàng tiếp cận, truy cập tìm hiểu nội dung và góp ý phản hồi [H2.02.03.03].

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các ĐCHP bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học; giúp cho GV có cơ sở xây dựng ĐCCTHP và đối soát khả năng đóng góp của các học phần cho CDR của CTĐT; giúp cho các nhà quản lý, nhà sử dụng lao động nắm được các thông tin bao quát về CTĐT, đánh giá được khả năng đáp ứng của CTĐT với nhu cầu xã hội. Các bộ phận liên quan như Phòng Đào tạo, BCN khoa và Trợ lý Khoa/Bộ môn đều có bản in toàn văn mô tả CTĐT của các ngành học nhằm nắm rõ thông tin về CTĐT và các HP của chương trình, cũng như thuận lợi cho công tác quản lý, giám sát và hỗ trợ việc thực hiện CTĐT của GV và SV. Thông qua các hình thức công khai nêu trên, người học và xã hội sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm được nội dung chi tiết của bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các học phần và CDR của các học phần đó. Đối với người học, ngay khi nhập trường, tuần sinh hoạt đầu khóa, người học đã được CVHT của lớp phổ biến bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần, định hướng nghề nghiệp cho SV. Trong các cuộc họp giữa SV với CVHT, hoặc buổi tổng kết năm học, CVHT giải thích và hướng dẫn sử dụng bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần trên website của Khoa và Nhà trường.

Bản Mô tả CTĐT và các Đề cương học phần định kỳ được rà soát, điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến các bên liên quan đặc biệt là đối với nhà tuyển dụng, SV và cựu SV [H2.02.03.04] [H2.02.03.03]. CBGV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động đều có thể tiếp cận bản Mô tả CTĐT và Đề cương các môn học/học phần một cách dễ dàng, thuận tiện. Những điều chỉnh về bản mô tả CTĐT và ĐCHP được cập nhật trên website của Nhà trường, được lưu giữ tại văn phòng các bộ môn GDTH, trợ lý giáo vụ khoa, ban lãnh đạo khoa để CBGV, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về CTĐT GDTH biết và thực hiện.

## *2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT và ĐCHP trong CTĐT ngành GDTH cung cấp đầy đủ thông tin, được công bố công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp cho SV có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho GV phụ trách học phần trong CTĐT hiểu rõ kiến thức SV cần nắm được sau khi kết thúc học phần; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng đạt được của SV tốt nghiệp. Bản mô tả CTĐT và các ĐCHP trong CTĐT thường xuyên nhận được ý kiến đóng góp, xây dựng của tổ

soạn thảo CT, GV trong khoa, nhà tuyển dụng lao động, trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo định hướng ứng dụng và phát triển năng lực.

### 3. Điểm tồn tại

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp. Các kênh thông tin online để công bố bản mô tả CTĐT vẫn mang tính một chiều.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện    |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Việc phổ biến Bản mô tả CTĐT và cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT đến các bên liên quan sẽ thực hiện chuyên nghiệp hơn: trình bày qua infographic và chuyển tải qua các kênh khác nhau: website, trang mạng xã hội, email cá nhân của các bên liên quan, tài liệu phát tay... | Khoa GDTH               | Từ năm học 2022 - 2023 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục duy trì và phát huy các hình thức công khai hiện có                                                                                                                                                                                                                  | Khoa GDTH               | Hàng năm               |

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

### Kết luận tiêu chuẩn 2

Nội dung bản mô tả CTĐT và ĐCHP có đầy đủ thông tin được cập nhật và công bố công khai cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, có sự tham gia góp ý xây dựng của các nhà quản lý, GV, cựu SV và nhà tuyển dụng.

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT và các ĐCHP trong CTĐT ngành GDTH được công bố công khai, kịp thời, đầy đủ giúp SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm học và trong toàn khóa.

Bản mô tả CTĐT và ĐCHP thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng giáo dục tiên tiến và các nghiên cứu mới, quy định mới về đào tạo giáo viên. Quá trình bổ sung, điều chỉnh, công bố bản mô tả CTĐT và ĐCHP của tổ biên soạn và các bộ môn GDTH được tiến hành nghiêm túc theo các quy định hiện hành của Nhà trường.

Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT và ĐCHP vẫn còn một số tồn tại như: Việc thu thập ý kiến của các bên liên quan về bản mô tả CTĐT và việc điều chỉnh ĐCCT HP chưa

được tiến hành đồng bộ trên phạm vi rộng nên ý kiến phản hồi, nhận xét chưa thật đầy đủ và phong phú.

*Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2: 3/3 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7.*

### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### **Mở đầu**

CTDH ngành GDTH là một hệ thống các học phần được cấu trúc hợp lý, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục đích, chuẩn kiến thức, kỹ năng của CTĐT ngành GDTH trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu và yêu cầu nhân lực của thị trường lao động. Cấu trúc CTĐT ngành GDTH trình độ đại học được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học; có cấu trúc hợp lý, hệ thống, trình tự logic theo các văn bản quy định của Nhà Trường. Nội dung CTDH được cập nhật và có tính tích hợp phù hợp với bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Cấu trúc và nội dung CTDH giúp SV đạt được các CĐR chung của CTĐT và các CĐR riêng của từng học phần. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá SV được sử dụng nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của cả CTĐT và các CĐR của từng học phần. Đồng thời, CTDH của ngành GDTH liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và trong CTĐT ngành GDTH.

#### *Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra*

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Thiết kế CTDH là một trong các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo, có kế hoạch rõ ràng được toàn thể GV của CTDH tiếp nhận, hiểu rõ và trực tiếp tham gia triển khai.

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; được Hội đồng Khoa học & Đào tạo nghiệm thu và được Nhà trường công bố khi xây dựng chương trình đào tạo. CTDH ngành GDTH được xây dựng theo các giai đoạn và dựa vào các văn bản quy định thiết kế CTDH của BGD&ĐT, ĐHQG, Trường ĐHSP [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.4], [H3.03.01.05]. CTDH ngành GDTH được xây dựng dựa trên khung CTĐT của BGD&ĐT, sau khi xác định CĐR theo quy định của Nhà trường, tham khảo các CTĐT tiên tiến và lấy ý kiến của các bên liên quan về cấu trúc, nội dung và phương pháp DH của CTĐT [H3.03.01.06] [H3.03.01.07], [H3.03.01.08], [H3.03.01.09]. CTDH được xác định cụ thể về nội dung kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học, thể hiện được sự cam kết về chất lượng đào tạo hướng đến việc đáp ứng CĐR.

CTDH ngành GDTH thể hiện sự phân bổ 9 CĐR vào 66 HP với mức độ đóng góp của từng HP vào CĐR CTĐT. CTDH được bố trí thành 2 khối kiến thức lớn: kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với đầy đủ các kiến thức nền tảng, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên sâu và các kiến thức bổ trợ khác. CTĐT đã đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa các môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (chiếm 9,7%) với các môn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (chiếm 90,3%). Tỷ lệ này phù hợp với xu hướng đào tạo theo ngành. Cấu trúc này vừa đảm bảo cho người học có khối lượng kiến thức rộng (kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên môn ngành) vừa trang bị nội dung kiến thức sâu (kiến thức chuyên ngành) [H3.03.01.10].

**Bảng 3.1.1.** Bảng tỉ lệ phần trăm các khối kiến thức và số tín chỉ trong cấu trúc CTĐT

| STT  | Khối kiến thức                                                | Số<br>tín<br>chỉ | Số tín chỉ  |             |       | Tỉ lệ % |
|------|---------------------------------------------------------------|------------------|-------------|-------------|-------|---------|
|      |                                                               |                  | Bắt<br>buộc | Tự chọn     |       |         |
|      |                                                               |                  |             | Bắt<br>buộc | Tự do |         |
| A    | Khối kiến thức Giáo dục đại cương                             | 15               | 15          | 0           | 0     | 9,7     |
| B    | Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp                         | 140              | 100         | 15          | 25    | 90,3    |
| I    | Khối kiến thức Cơ sở ngành                                    | 20               | 20          | 0           | 0     | 12,9    |
| II   | Khối kiến thức Chuyên ngành                                   | 29               | 21          | 3           | 5     | 18,7    |
| III  | Khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm (đối với Khối ngành Sư phạm) | 73               | 53          | 6           | 14    | 47,1    |
| IV   | Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp               | 18               | 6           | 6           | 6     | 11,6    |
| Tổng |                                                               | 155              | 115         | 15          | 25    | 100     |

Lịch trình giảng dạy các học phần theo lộ trình phát triển các CĐR, gắn kết các học phần với CĐR của CTĐT và các PI [H3.03.01.11]. CTDH có sự gắn kết hợp lý giữa các học phần trong chương trình học từ việc lập kế hoạch chi tiết theo từng kì với tiến trình giảng dạy cụ thể và CĐR người học cần đạt được sau mỗi học phần [H3.03.01.12]. Điều này không chỉ đảm bảo tính logic của chương trình, tính liên quan của các môn học mà còn phù hợp với khả năng tiếp cận của người học theo thời gian. Đây là cơ sở rất quan trọng để đảm bảo CĐR của người học.

Trong mô tả học phần, các ĐCCT HP đều xác định rõ điều kiện tiên quyết, lịch trình và kế hoạch DH đối với từng học phần nhằm giúp người học lập kế hoạch học tập cụ thể [H3.03.01.13]. Bên cạnh đó, CTĐT cũng đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, giữa khối kiến thức bổ trợ và khối kiến thức ngành. Theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, CTĐT đã được điều chỉnh theo hướng giảm số giờ lý thuyết,

tăng cường thực hành giao tiếp, tăng kỹ năng tự làm việc, tự học, tự nghiên cứu, tăng cường tính chủ động, sáng tạo và các khả năng nghề nghiệp cho người học phù hợp với CDR đã công bố. CTĐT cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bổ giữa số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp, giờ dạy lý thuyết tích hợp với các hoạt động thảo luận và các giờ bài tập theo khung CTĐT quy định. Việc điều chỉnh tăng hoặc giảm thời lượng là để đảm bảo đúng theo quy định của BGD&ĐT về khối lượng tín chỉ tối đa trong đào tạo đại học và tăng tính ứng dụng cho chương trình, đáp ứng yêu cầu của CDR **[03.03.01.03]**. Bản mô tả CTDH được rà soát, điều chỉnh 3 lần (năm 2017, 2019, 2021) và luôn được cập nhật cho phù hợp với sự phát triển của từng giai đoạn **[H3.03.01.10]**.

CTDH năm 2021 là kết quả của việc rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2019, sự điều chỉnh tập trung vào tăng cường tính ứng dụng của CTDH **[H3.03.01.08]**, **[H3.03.01.09]**. Sau khi tốt nghiệp, CTDH giúp SV có thể đạt được các yêu cầu CDR về vị trí việc làm. Ngoài ra, CTDH được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi hoặc học tập nâng cao trình độ của người học. Các năm gần đây, Khoa đã đào tạo học viên Cao học chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) **[H3.03.01.14]**. Chương trình Cao học này có sự kế thừa một số học phần trong chương trình đào tạo bậc đại học nhằm tạo điều kiện cho người học có thể học tập nâng cao trình độ ở khoa GDTH, Trường ĐHSP - ĐHQGHN.

Về phương pháp DH và phương pháp kiểm tra đánh giá (PP KT&ĐG), CTDH ngành GDTH đã chú trọng thiết kế hoạt động dạy học và xây dựng hệ thống các phương pháp DH theo yêu cầu của CDR **[H3.03.01.13]**. Đó là việc xác định, lựa chọn tổ hợp phương pháp dạy và học, PP KT&ĐG SV đảm bảo sự tương thích với CDR của CTĐT. Các nhóm phương pháp thông qua các hoạt động DH cụ thể như thảo luận, làm việc nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình... đã khuyến khích người học tích cực, chủ động, phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, tạo tư duy phản biện và khả năng thích ứng với hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp, thúc đẩy sự đa dạng trong học tập, tạo cơ hội cho người học đạt được CDR. PP KT&ĐG được tiến hành trong quá trình giảng dạy để đánh giá kết quả và thái độ học tập của người học. 100% bản mô tả học phần xác định các phương pháp giảng dạy và học tập, PP KT&ĐG kết quả học tập của người học phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR. Việc đánh giá SV ngành GDTH được thực hiện bằng các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ, thi kết thúc học phần để đạt được CDR của CTDH. Việc sử dụng đa dạng và linh hoạt các hình thức kiểm tra đánh giá (tự luận, vấn đáp, bài tập, tiểu luận, kiểm tra nhanh...), đồng thời các tiêu chí đánh giá được GV xây dựng thông qua các rubric đã đánh giá được khả năng nắm bắt kiến thức, độ thành thạo về kỹ năng và mức độ tự chủ của người học **[H3.03.01.15]**.

Để đánh giá kết quả học tập của SV, ngoài việc đánh giá chuyên cần với các tiêu chí cụ thể, các học phần tự lựa chọn các hình thức đánh giá phù hợp với nội dung. Đánh giá bài tập cá nhân, thảo luận nhóm, kiểm tra định kỳ, thi kết thúc học phần với hình thức vấn đáp hoặc tự luận hoặc trắc nghiệm. Trong ĐCCT, các hình thức đánh giá được xác định cùng với các tiêu chí và thời điểm đánh giá cụ thể [03.03.01.13]. Ngoài ra, để đánh giá kết quả học tập của người học, từng học phần Nhà trường có quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học phần, trong đó đánh giá quá trình học tập chiếm 50%, đánh giá kết quả thi kết thúc học phần chiếm 50% kết quả chung. Việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được Nhà trường, Khoa GDTH thực hiện theo hướng dẫn quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H3.03.01.16]. Sự phối hợp nhiều hình thức đánh giá góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR của CTDH ngành GDTH. Các hình thức, cách thức kiểm tra đánh giá như trên đòi hỏi người học phải tích cực, chủ động, tự giác trong việc chuẩn bị, chiếm lĩnh kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập hướng đến đạt CĐR.

Ngoài ra, nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo, CTĐT ngành GDTH thường xuyên rà soát, đánh giá và cải tiến liên tục các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá người học cũng như định kỳ rà soát CTĐT theo hướng dẫn và quy định của ĐHĐN. Khoa đã tổ chức rà soát, xây dựng CĐR của các học phần và ma trận thể hiện sự kết nối giữa CĐR của CTĐT với CĐR của các học phần để làm cơ sở điều chỉnh CTDH, đảm bảo việc trang bị các năng lực nghề nghiệp, đáp ứng được mục tiêu của CTĐT [H3.03.01.17].

Khoa đã phân công GV cập nhật, bổ sung nội dung cho ĐCCT các học phần trong CTDH cho phù hợp với CĐR của CTĐT [H3.03.01.18]. Để kiểm soát mức độ đáp ứng của CĐR CTĐT, nhà trường thực hiện việc lấy ý kiến của SV về nội dung học tập cũng như hoạt động giảng dạy của GV sau mỗi kì học [H3.03.01.19]. Qua kết quả điều tra khảo sát, hơn 90% SV hài lòng về CTDH, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá. Đây cũng chính là cơ sở quan trọng để Khoa và Nhà trường có những điều chỉnh CTDH cho phù hợp hơn nữa, đáp ứng yêu cầu của người học. Để từ đó, SV sau khi tốt nghiệp đáp ứng được với thị trường lao động.

## *2. Điểm mạnh*

Chương trình dạy học của ngành GDTH được thiết kế phù hợp với CĐR của ngành. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Quy định về kiểm tra đánh giá các học phần đa dạng như trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành. Các ĐCCT của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liên mạch giúp chương trình dạy học trở thành một khối thống nhất. CTDH xác định các phương pháp giảng dạy và học tập, PP KTĐG kết quả học tập của người học phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR.

### 3. Điểm tồn tại

Do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19, việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, nhà tuyển dụng, sinh viên về CTDH chưa được thực hiện trên diện rộng.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện    |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tổ chức lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá mức độ đạt được CĐR, CTDH dưới nhiều hình thức như: trực tiếp và trực tuyến. | Khoa GDTH               | Từ năm học 2022 – 2023 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Duy trì việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTDH hằng năm ngày càng phù hợp hơn với nhu cầu của xã hội                     | Khoa GDTH               | Hàng năm               |

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

*Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Mỗi học phần đều có vai trò nhất định trong khối kiến thức/kỹ năng mà SV mong muốn đạt được và thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT ngành GDTH cập nhật mới nhất năm 2021 [H3.03.02.01]. Tất cả các học phần trong CTĐT ngành GDTH đều có ĐCCT do các GV biên soạn và tham gia giảng dạy, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn của học phần, phù hợp với CĐR của CTĐT. Khoa đã phân công GV biên soạn, cập nhật, bổ sung nội dung cho ĐCCT các học phần trong CTDH và tổ chức nghiệm thu đề cương đảm bảo chuẩn đầu ra của mỗi học phần [H3.03.02.02].

Khi xây dựng CTĐT ngành GDTH, kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đã được mô tả và xác định rõ trong học phần để người học dễ đạt được CĐR. Vì vậy, 100% các học phần trong CTĐT có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR và CTDH đều xác định mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm cho mỗi học phần [H3.03.02.01]. Kết cấu nội dung của từng học phần phù hợp với mục tiêu, nội dung của học phần đảm bảo sự tích hợp trong nội bộ các học phần [H3.03.02.03]. CTĐT ngành GDTH được thiết kế gồm 08 học kỳ, sắp xếp các học phần theo thứ tự từ cơ bản đến chuyên ngành trong bốn năm học. Ba học kỳ đầu cung cấp kiến thức nền tảng, cơ sở của kiến thức Giáo dục đại cương và kiến thức cơ sở ngành nên mức độ đóng góp cho các PLOs còn thấp; ba học kỳ tiếp theo là các học phần liên quan đến kiến thức chuyên ngành và kiến thức Nghiệp vụ sư phạm. Do đó, sự đóng góp cho PLOs cũng tăng dần. Hai học kỳ cuối, khối kiến thức gồm các học phần thuộc kiến thức Nghiệp vụ

sự phạm và kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp nên mức độ đóng góp cho PLOs ở mức độ cao. Điều này thể hiện rõ trong ma trận đóng góp các môn học so với CĐR **[H3.03.02.04]**.

Các học phần trong CTĐT được thiết kế nhằm giúp người học đạt được kết quả học tập đáp ứng mục tiêu của CTĐT. Từng PLO sẽ có các học phần tương ứng với kết quả đã đề ra. Đề cương các học phần được thiết kế một cách khoa học để SV hiểu rõ hơn về nội dung của học phần và có điều kiện tiếp cận chuyên môn góp phần đạt được CĐR của CTĐT. Thông qua ma trận các học phần của CTĐT ngành GDTH, người học có thể thấy rõ mức độ ảnh hưởng của từng học phần đối với các CĐR. Các kỹ năng chung (làm việc nhóm, giao tiếp, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo...) được lồng ghép vào các học phần khác nhau **[H3.03.02.03]**. Việc đạt được CĐR của mỗi học phần sẽ đóng góp vào việc đạt CĐR của CTĐT.

ĐCCT học phần thể hiện đầy đủ phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá với các tiêu chí cụ thể đáp ứng được CĐR của CTĐT. Qua các lần rà soát, cập nhật, điều chỉnh, ĐCCT học phần năm 2021 đã làm rõ được việc thiết kế hoạt động dạy học (trên lớp, thực tế, thực tập, thực hành, thảo luận,..) nhằm hướng tới đạt CĐR của CTĐT. Việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của Nhà trường trong Quy định đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSP-ĐHĐN; quy định về tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên **[H3.03.02.05]**, **[H3.03.02.06]**. ĐCCT các học phần đều xác định rõ hình thức tổ chức dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở mỗi nội dung, những yêu cầu cụ thể nhằm giúp người học đạt được CĐR của học phần về kiến thức, kỹ năng đáp ứng với năng lực nghề nghiệp **[H3.03.02.03]**.

Sự gắn kết mang tính xây dựng của CTĐT thể hiện ở việc lựa chọn các phương pháp dạy và học, nhấn mạnh vào sự chủ động của người học. Các phương pháp đánh giá phù hợp đo được năng lực của SV đã đạt theo các mức của CĐR. Điều này giúp SV điều chỉnh được phương pháp, hình thức học tập đáp ứng yêu cầu của học phần theo CĐR. Kết quả học tập của SV qua từng học phần được đánh giá thông qua bảng điểm bao gồm điểm quá trình, điểm kiểm tra thường xuyên và điểm kiểm tra kết thúc học phần **[H3.03.02.07]**, **[H3.03.02.08]**. Theo quy định, điểm học phần gồm có điểm đánh giá quá trình (điểm chuyên cần trọng số 20%, điểm thường xuyên trọng số 30%), điểm thi kết thúc học phần (có trọng số 50%). Các hình thức đánh giá được GV sử dụng linh hoạt nhằm phát huy năng lực của người học (bài tập cá nhân, bài tập nhóm, seminar, tiểu luận, thực hành...). Hình thức thi kết thúc học phần cũng phong phú, đa dạng: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, tiểu luận... Hình thức KTĐG, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân theo quy định về tổ chức thi, kiểm

tra đánh giá người học và được công bố công khai trong đề cương chi tiết các học phần [H3.03.02.03]. Ngoài ra, việc đánh giá SV còn được thể hiện qua quá trình tham gia các hoạt động đoàn hội, các hoạt động của liên chi **[H3.03.02.09], [H3.03.02.10]**.

Để đánh giá sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Trên cơ sở đó, Khoa thực hiện điều chỉnh CĐR, CTDH của ngành đáp ứng năng lực nghề nghiệp cho người học **[H3.03.02.01]**. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết và mức độ hợp lý của các học phần trong khung chương trình đào tạo cho thấy các học phần trong khung CTĐT tương đối hợp lý và phù hợp. Theo đánh giá, mức độ cần thiết và rất cần thiết đạt tỉ lệ trung bình trên 80% và mức độ hợp lý của các học phần đạt trung bình trên 90% đối với từng nhóm đối tượng được khảo sát. Về mức độ cần lĩnh hội kiến thức từ các học phần trong chương trình đào tạo, kết quả khảo sát thu được cho thấy yêu cầu cần đạt được của sinh viên sau học xong các học phần là có khả năng áp dụng linh hoạt (đối với sinh viên là 38,9% và nhóm đối tượng Nhà tuyển dụng/ Nhà sử dụng lao động / GV và Cựu sinh viên đạt mức trên 51,1%) **[H3.03.02.11]**. Kết quả khảo sát cho thấy Nhà tuyển dụng/ Nhà sử dụng lao động / GV và Cựu sinh viên và sinh viên mong muốn người học phải đạt được mức khả năng từ áp dụng linh hoạt trở lên.

Về việc bổ sung thêm một số học phần vào CTĐT ngành GDTH, kết quả khảo sát thu được phần lớn Nhà tuyển dụng/ Nhà sử dụng lao động/ GV và Cựu SV và SV đang học đều cho rằng cần phải bổ sung các học phần mà Tổ biên soạn đề xuất (Các ý kiến cho rằng “Nên bổ sung” chiếm tỷ lệ trung bình trên 75% đối với từng nhóm đối tượng được khảo sát) như: Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học; Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học; Dạy học tích hợp ở tiểu học) vào khung CTĐT. Nhóm đối tượng được khảo sát có bổ sung thêm các học phần vào khung CTĐT như các học phần liên quan đến Kỹ năng (Kỹ năng quản lý lớp, Công tác chủ nhiệm lớp, Thái độ yêu thương...). Nội dung CTĐT cần cập nhật những kiến thức mới, sát thực tế, cần có các học phần hoặc hoạt động ngoại khoá nhằm phát huy tinh thần khởi nghiệp cho SV **[H3.03.02.12]**.

## *2. Điểm mạnh*

- Các học phần trong khung CTĐT ngành GDTH được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa khối kiến thức Giáo dục đại cương với khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức nghiệp vụ). Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy học và đánh giá được mục tiêu của CĐR;

- Các học phần trong CTDH xác định các phương pháp dạy và học, PP KTĐG phù hợp để đảm bảo việc đạt được CĐR;

- Các học phần trong CTĐT đã được lấy ý kiến của các bên liên quan và điều chỉnh theo hướng tích hợp các học phần có nội dung trùng lặp, tăng số tín chỉ thực hành, thay đổi phương pháp dạy học để đảm bảo thực hiện CDR của ngành.

### 3. Điểm tồn tại

Số học phần hỗ trợ cho CDR về tinh thần khởi nghiệp còn ít. Nội dung chương trình của một số học phần khối kiến thức Nghiệp vụ sư phạm cần cập nhật để nâng cao hơn nữa năng lực nghề nghiệp cho người học.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện                 | Thời gian thực hiện   |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tăng cường tổ chức thêm các hoạt động ngoại khóa, các chuyên đề bồi trợ nhằm phát huy tinh thần khởi nghiệp của SV                                                                                                                                                                                                               | Khoa GDTH<br>Liên chi Đoàn<br>Khoa GDTH | Từ năm học 2022 -2023 |
|    |                    | Tổ chức kiểm tra, rà soát các học phần của các khối kiến thức; chỉnh sửa ĐCCT HP theo hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học; phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các bên liên quan trong việc xin ý kiến đánh giá, phản hồi để rà soát và điều chỉnh CTDH theo hướng tích hợp, ứng dụng góp phần thực hiện tốt CDR đã công bố. | Khoa GDTH                               | Từ năm học 2022 -2023 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục phân công nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết của từng học phần theo tiêu chí thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, các phương pháp dạy và học, phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá cụ thể, thể hiện được mức độ đóng góp vào CDR của CTĐT                                                                    | Khoa GDTH                               | Hằng năm              |

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

*Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo sự gắn kết và liên mạch thành một khối thống nhất giữa các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương và các học phần khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm Kiến thức cơ sở ngành, Kiến thức chuyên ngành, Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp. CTDH ngành GDTH được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT, tương ứng với những lần điều chỉnh CĐR năm 2017, 2019 và 2021 **[H3.03.03.01]**.

Năm 2017, Khoa GDTH đã cập nhật, điều chỉnh CTĐT ngành GDTH gồm 159 tín chỉ thuộc 2 khối: Kiến thức giáo dục đại cương và Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp **[H3.03.03.02]**. Năm 2019, CTĐT ngành GDTH được điều chỉnh gồm 155 tín chỉ thuộc 3 khối kiến thức: Khối kiến thức chung; Khối kiến thức cơ sở ngành và ngành, Khối kiến thức phương pháp và nghiệp vụ **[H3.03.03.03]**. Năm 2021, CTĐT ngành GDTH được điều chỉnh gồm 155 tín chỉ thuộc 2 khối kiến thức: Khối kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp **[H3.03.03.04]**.

Qua ba lần điều chỉnh vào năm 2017, 2019 và 2021, CTDH ngành GDTH năm 2021 được cập nhật thêm các nội dung mới sau:

- Điều chỉnh khối kiến thức chung liên quan đến các học phần Triết học Mac-Lênin, Kinh tế chính trị Mac-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh theo yêu cầu của nhà trường;

- Các học phần Anh văn A2.1; A2.2 được đưa ra khỏi CTĐT nhằm giúp sinh viên chủ động trong việc đạt CĐR về ngoại ngữ.

- Các học phần Tâm lý học Sư phạm tiểu học, Giáo dục học tiểu học, Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục, Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học từ khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT 2017, 2019 vào khối Kiến thức Nghiệp vụ sư phạm trong CTĐT 2021. Điều chỉnh học phần Giáo dục học tiểu học (1) và Giáo dục học tiểu học (2) thành học phần Giáo dục học tiểu học và Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục để tăng tính thực hành và chuyên sâu trong đào tạo, nhằm đảm bảo cho sinh viên có cơ hội và thời gian thực hành các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp trong thực tế.

- Xây dựng thêm các học phần đáp ứng CĐR của CTĐT như học phần Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học, Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học. Chuyển các học phần Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ tiểu học, Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học, Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học vào nhóm học phần tự chọn nhằm tăng cơ hội lựa chọn các học phần phù hợp với năng lực và sở thích của sinh viên đáp ứng với nhu cầu và năng lực nghề nghiệp phù hợp với sự thay đổi của xã hội.

- Học phần Nhập môn Giáo dục Tiểu học được thêm vào CTDH năm 2021, với

vai trò là học phần bắt buộc và sắp xếp vào năm 1 nhằm cung cấp cho SV kiến thức tổng thể về ngành GDTH, trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng nền tảng để rèn luyện và phát triển bản thân thích ứng với phương pháp học tập ở môi trường đại học, phù hợp với bối cảnh mới.

100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý cụ thể trong bản mô tả CTĐT của ngành đã nêu rõ tỷ lệ phần trăm các khối kiến thức, kỹ năng, các học phần bắt buộc, học phần tự chọn [H3.03.03.04]. Cụ thể: khối kiến thức giáo dục đại cương (15TC) chiếm 9,7% và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chiếm 90,3%. Trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nhóm kiến thức cơ sở ngành (20TC) chiếm 12,9%, nhóm kiến thức chuyên ngành (29TC) chiếm 18,7%, nhóm kiến thức Nghiệp vụ sư phạm (73TC) chiếm 47,1%, nhóm kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp (18TC) chiếm 11,6% [H3.03.03.04]. Từng học phần trong CTDH đều có mục tiêu rõ ràng có sự đóng góp vào CĐR [H3.03.03.05]. Hằng năm các hoạt động nghiệp vụ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, hoạt động trải nghiệm... đã góp phần đáng kể nâng cao năng lực sư phạm cho người học [H3.03.03.06].

CTDH ngành GDTH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần và được cập nhật trên website của khoa [H3.03.03.01], [H3.03.03.07]. Việc thiết kế CTDH ngành GDTH được thực hiện dựa trên quan điểm tăng cường khối kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu hơn, tạo cơ hội thực hành nhiều hơn đảm bảo cho SV có thể thích ứng ngay với thị trường lao động sau khi tốt nghiệp [H3.03.03.04].

Thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau. Trình tự của các học phần được sắp xếp logic trong 8 học kì, đảm bảo cho SV có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất đến năm thứ tư [H3.03.03.04], [H3.03.03.08]. Việc xác định các học phần học trước đóng vai trò hết sức quan trọng trong CTĐT ngành GDTH (2017, 2019, 2021). Các học phần trước đảm bảo cung cấp kiến thức nền tảng chung cho cả CTĐT (học phần Nhập môn Sư phạm Giáo dục Tiểu học); cung cấp kiến thức cho học phần tiếp theo đảm bảo tính kế thừa giữa các học phần. Cụ thể, học phần Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt ở tiểu học cung cấp kiến thức cơ bản về tiếng Việt và là cơ sở cho học phần Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt ở tiểu học, Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 ở tiểu học, Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2 ở tiểu học...

Chương trình có các học phần tích hợp cả lý thuyết và thực hành (Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học, Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học, Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học...) nhằm giúp SV có điều kiện củng cố lý thuyết, kỹ năng; bồi dưỡng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho người học để đáp ứng với năng lực nghề nghiệp. Các học phần tích hợp kiến thức liên ngành (Ứng

dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học, Dạy học tích hợp ở tiểu học, Cơ sở Khoa học Tự nhiên ở tiểu học, Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học...) giúp SV liên kết kiến thức từ nhiều lĩnh vực, nhiều học phần khác nhau. Đặc biệt, học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành GDTH, Kiến tập, Thực tập tốt nghiệp, SV sẽ có cơ hội được học lý thuyết và triển khai nghiên cứu thực tế, được thực tập với nhiều nội dung khác nhau, tại các trường tiểu học... **[H3.03.03.04]**.

Để có được khung CTĐT theo CĐR phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ như hiện nay, Khoa đã thực hiện đầy đủ các quy trình theo đúng quy chế đào tạo, quy định của ĐHQĐ và hướng dẫn của Trường ĐHSP - ĐHQĐ **[H3.03.03.09]**, **[H3.03.03.10]**, **[H3.03.03.11]**. Khung CTĐT ngành GDTH hiện nay có 155 tín chỉ không bao gồm các học phần Tiếng Anh, Giáo dục Thể chất, Giáo dục quốc phòng **[H3.03.03.04]**. Một số học phần được thay thế bởi các học phần khác phù hợp hơn CĐR của ngành. Nhiều học phần đã được điều chỉnh về nội dung, phương pháp dạy học cho phù hợp với Chương trình GDPT 2018, với sự phát triển của xã hội và cập nhật được kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo bậc đại học **[H3.03.03.12]**.

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CTDH, Khoa đã tham khảo, đối sánh các CTĐT đào tạo của các trường Đại học Sư phạm trong nước theo hướng đánh giá sự tương thích và phù hợp, đặc biệt chú trọng đến việc thiết kế trình tự giảng dạy về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm trong CTDH, làm cơ sở phân bố hợp lý các kỹ năng cho từng học phần của CTĐT **[H3.03.03.13]**. Bên cạnh đó trong quá trình điều chỉnh CTDH, Nhà trường còn tổ chức các buổi hội thảo nhằm thu thập các ý kiến từ các nhà quản lý, cựu SV, SV với CTDH đang điều chỉnh **[H3.03.03.01]**.

Kết quả khảo sát tháng 5/2021 cho thấy các nhà tuyển dụng đánh giá tốt về cấu trúc CTĐT ngành GDTH, cụ thể: phần lớn nhà tuyển dụng đều hài lòng với cấu trúc CTĐT ngành GDTH, 90% ý kiến đánh giá hợp lý **[H3.03.03.14]**. Điều này cho thấy tổng thể CTĐT ngành GDTH đã đáp ứng về cơ bản yêu cầu của thị trường lao động. Khoa sẽ tiếp thu ý kiến để điều chỉnh CTĐT cho phù hợp hơn nữa **[H3.03.03.01]**.

Như vậy, cấu trúc các học phần kiến thức ngành GDTH là phù hợp theo trình tự logic, có tính cập nhật và tích hợp. Các nội dung kiến thức và kỹ năng được tích hợp trong các học phần của CTDH. Đó là tích hợp về kiến thức và kỹ năng, giữa lý thuyết và thực hành, tích hợp nội môn và tích hợp liên môn giữa các học phần...

## *2. Điểm mạnh*

- Các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương, các học phần thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp (Kiến thức cơ sở ngành, Kiến thức chuyên ngành và Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm) được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học phần. Các học phần đều đảm bảo cho SV tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng cần thiết để có thể học tập, nghiên cứu, thực hành dạy học

và đáp ứng với năng lực nghề nghiệp;

- CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý, có hệ thống và mang tính tích hợp. Tỷ lệ giờ hướng nghiệp và phát triển năng lực sư phạm của người học tăng so với các CTDH trước đây, cơ bản đáp ứng xu hướng phát triển ngành GDTH trong thời điểm hiện tại;

- Cấu trúc CTDH chú trọng cả bề rộng lẫn chiều sâu, đáp ứng được năng lực nghề nghiệp của SV sau khi tốt nghiệp, SV có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc như: giảng dạy, nghiên cứu, quản lý... ở các trường tiểu học và cơ sở giáo dục trong cả nước.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động giúp cho việc điều chỉnh CTĐT ngành GDTH được thực hiện chưa liên tục và đều đặn.

### *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện    |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Xây dựng kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động và cựu SV định kỳ hằng năm; Tổ chức lấy thêm ý kiến đóng góp về việc đánh giá mức độ đạt được cấu trúc chương trình, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp của các học phần dưới nhiều hình thức như: trực tiếp và trực tuyến. | Khoa GDTH               | Từ năm học 2022 – 2023 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Rà soát các học phần và xây dựng tỷ lệ tích hợp trong nội dung các học phần có liên quan dựa trên cơ sở lấy ý kiến đóng góp từ người học, GV và các nhà tuyển dụng.                                                                                                                                                             | Khoa GDTH               | Hàng năm               |

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7.

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3***

CTDH của Khoa GDTH được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT. CTDH mang tính logic và tính tích hợp, đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Nội dung của các học phần cơ sở và học phần

chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH thể hiện được năng lực nghề nghiệp của SV tốt nghiệp. Các cán bộ GV của khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả đầu ra. Các học phần được thiết kế đề cao tính đặc trưng của ngành GDTH.

Tuy nhiên, CTDH còn một số tồn tại như: Số ý kiến đóng góp cho CTDH của các nhà tuyển dụng chưa nhiều, còn ít học phần hỗ trợ cho tinh thần khởi nghiệp. Nhưng hạn chế này sẽ được cải tiến trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo SV ngành GDTH.

*Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3: Số tiêu chí đạt: 3/3. Điểm trung bình 5/7.*

#### **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

##### **Mở đầu**

Triết lý giáo dục của Nhà trường sẽ quyết định phương thức dạy và học. Từ đó xác định mục đích giáo dục, vai trò của GV, SV cũng như nội dung và phương pháp giảng dạy. Tổ chức hoạt động dạy và học là một khâu quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo. Khoa GDTH, cũng như nhiều khoa khác trong Trường chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học và các hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT; sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Đặc biệt, từ năm 2017, khi nhà trường áp dụng việc đào tạo theo định hướng phát triển năng lực đối với tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học thì CTĐT ngành GDTH đã nhấn mạnh đến phương pháp tiếp cận mới trong dạy học. Để thực hiện được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các học phần kế tiếp nhau một cách logic, học phần cơ sở ngành là học phần tiên quyết cho những học phần chuyên ngành. Các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm đều phải cùng hướng đến CĐR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình đã được mỗi giảng viên và SV hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình giúp người học đạt được CĐR.

*Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan*

##### **1. Mô tả hiện trạng**

Triết lý giáo dục là những nguyên tắc hướng dẫn hoạt động giáo dục của Nhà trường. Vì vậy, phải xây dựng triết lý giáo dục trước để làm định hướng, nền tảng, dựa trên đó mới xây dựng mục tiêu của giáo dục, nội dung chương trình và phương pháp

giáo dục. Hiểu rõ tầm quan trọng đó, Trường ĐHSP-ĐHĐN đã ban hành Triết lý giáo dục và được tuyên bố rõ ràng trong Chiến lược phát triển của Trường ĐHSP-ĐHĐN với nội dung: ***“Toàn diện, khai phóng, sáng tạo và thực nghiệp”*** [H4.04.01.01] [H4.04.01.02]. Cụ thể: Giáo dục ***“Toàn diện”*** có nghĩa là sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố Đức – Trí – Thể - Mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế; ***“Khai phóng”*** hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định; ***“Sáng tạo”*** là hình thành và phát triển tư duy sáng tạo cho người học; ***“Thực nghiệp”*** có vai trò quan trọng trong đào tạo, học phải đi đôi với hành, những kiến thức được tiếp nhận từ nhà trường phải vận dụng linh hoạt vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp. Triết lý giáo dục của Trường được xem như là kim chỉ nam cho các hoạt động giáo dục của Nhà trường, góp phần đào tạo sinh viên tốt nghiệp có được những phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của xã hội, tìm kiếm được việc làm tốt, được xã hội đánh giá cao. Mỗi CB GV và người học luôn nỗ lực thực hiện sứ mạng và triết lý giáo dục của Nhà trường.

Bên cạnh Triết lý giáo dục, Trường ĐHSP – ĐHĐN còn ban hành mục tiêu giáo dục: *“Sau khi tốt nghiệp, người học có: Kiến thức chuyên môn toàn diện, hiểu biết sâu về nguyên lý và quy luật tự nhiên – xã hội; Kỹ năng mềm, khả năng sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi môi trường làm việc; Năng lực giáo dục và phát triển nghề nghiệp; Đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp, sức khỏe tốt, ý thức phục vụ cộng đồng”*. Mục tiêu này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu giáo dục quy định tại Điều 2 Luật Giáo dục [H4.04.01.03]. Đồng thời, phù hợp với mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ đại học, ThS, TS quy định tại Điều 5 Luật GDĐH [H4.02.01.04]. Nhà trường đã cụ thể hoá mục tiêu chung thành các kế hoạch của từng năm học [H4.04.01.05] [H4.04.01.06].

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường được công bố công khai trên website của Trường, poster đặt ở giảng đường để GV, người học và các bên liên quan có thể tiếp cận một cách thuận lợi, dễ dàng, hiểu và thực hiện [H4.04.01.07], [H4.04.01.08]. Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục cũng được phổ biến cho cán bộ, GV biết và thực hiện thông qua việc xây dựng CTĐT, ĐCCT học phần/môn học, NCKH và các hoạt động khác [H4.04.01.09] [H4.04.01.10]. Đối với người học, việc tiếp nhận nội dung triết lý giáo dục được Nhà trường và Khoa chuyên môn phổ biến, quán triệt qua các buổi sinh hoạt công dân-HSSV đầu khóa dành cho tân sinh viên, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo, mục tiêu đào tạo, CĐR, CTĐT cho sinh viên của thông qua học phần Nhập môn Giáo dục tiểu học [H4.04.01.11] [H4.04.01.12]. Ngoài ra, Liên Chi đoàn khoa cũng tổ chức các buổi tọa đàm, diễn đàn trao đổi về phương pháp học tập, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng thi tuyển dụng công

chức..., qua đó lồng ghép phân tích các mục tiêu giáo dục của Nhà trường, giúp sinh viên hiểu rõ về chương trình đào tạo và CĐR của Trường, ngành đào tạo, đồng thời chủ động và tích cực trong thay đổi phương pháp học tập phù hợp **[H4.04.01.13]**.

Trên cơ sở triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, Khoa đã xác định mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành GDTH, đó là: *“Đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học chất lượng cao, có năng lực chuyên môn, nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học để dạy học, làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục tiểu học tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, và các đơn vị hành chính sự nghiệp giáo dục khác; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; có phẩm chất, đạo đức nhà giáo”*. Trên cơ sở mục tiêu chung, CTĐT ngành GDTH đã xác định các mục tiêu cụ thể và CĐR về phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng của SV **[H4.04.01.09]**. Để thực hiện mục tiêu giáo dục của CTĐT, các ĐCHP trong CTĐT ngành GDTH đều nêu rõ mục tiêu, nội dung, PPDH, phương pháp đánh giá để đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực, yêu cầu xã hội. Bên cạnh đó, trên cơ sở mục tiêu giáo dục này, CTĐT đã xác định rõ vai trò của GV, SV cũng như phương thức dạy và học. Đó là phát triển năng lực tìm kiếm, xử lý và vận dụng nội dung học tập vào thực tiễn nghề nghiệp, Nhà trường đã xây dựng chiến lược giảng dạy lấy người học làm trung tâm, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm. Kỹ năng hợp tác, chia sẻ ý tưởng, đối thoại và thuyết phục các bài tập kiểm tra, tiểu luận... đều hướng vào mục tiêu giúp SV thu nhận kiến thức, kỹ năng một cách khoa học. SV được thực hành và rèn luyện đồng thời rất nhiều kỹ năng: nghiệp vụ sư phạm, phục vụ cộng đồng.

Mục tiêu giáo dục CTĐT ngành GDTH được xây dựng dựa trên ý kiến góp ý của các GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng **[H4.04.01.14]**. Bên cạnh đó, mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học được tuyên bố trong CTĐT và được cụ thể hóa trong từng đề cương môn học; đồng thời được phổ biến và công bố trên website của Khoa để GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng dễ dàng tiếp cận **[H4.04.01.15]**. Việc dạy và học theo đúng triết lý giáo dục cũng như mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã đem lại những thành tựu nổi bật. SV tham gia NCKH và đã có nhiều đề tài đạt giải cấp Trường, đạt Giải thưởng KOVA trao cho SV xuất sắc có triển vọng trong NCKH; nhiều SV và tập thể lớp đạt danh hiệu “Sao Tháng Giêng; “Sinh viên 5 tốt” “Tập thể SV 5 tốt” cấp Trung ương, thành phố, Đại học Đà Nẵng... **[H4.04.01.16]**.

Đối với giảng viên, mục tiêu đào tạo và CĐR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, thiết kế đề cương học phần môn học, thiết kế và biên soạn bài giảng, xác định phương pháp DH phù hợp cho từng nội dung và từng học phần. Đối với người học, ngay khi SV năm thứ nhất nhập trường, mục tiêu giáo dục và CĐR

được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV các khoa. Ở Khoa, các SV được giới thiệu về ngành đào tạo và mục tiêu đào tạo của ngành GDTH.

Việc phổ biến CĐR và mục tiêu giáo dục của CTĐT giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ. Mục tiêu GD của CTĐT được cụ thể hóa trong mục tiêu cần đạt của từng học phần. Mỗi giảng viên khi bắt đầu giảng dạy học phần của mình, đều dành thời gian để giới thiệu vị trí của học phần trong CTĐT, giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, CĐR của học phần và tiêu chí đánh giá. Các CVHT sinh hoạt với SV định kỳ 2 tuần 1 lần, giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của Khoa, giúp các em có kế hoạch học tập và rèn luyện phù hợp [H4.04.01.17].

## 2. Điểm mạnh

Triết lý GD và mục tiêu GD của Nhà trường được xác định, ban hành và công bố rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau để các bên liên quan dễ tiếp nhận;

Mục tiêu giáo dục của ngành GDTH được tuyên bố rõ ràng, phổ biến tới giảng viên, người học, được giảng viên và người học tích cực hưởng ứng, thực hiện;

Công tác giảng dạy của GV ngành GDTH được thực hiện theo đúng triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường, đã mang lại cho các thế hệ người học của Khoa GDTH những thành công nhất định trong công tác chuyên môn. Cựu SV của Khoa hiện tại không chỉ đang công tác tại các trường Tiểu học thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên mà còn đảm nhận các vị trí quản lý, lãnh đạo tại các Trường tiểu học, sở Giáo dục.

## 3. Điểm tồn tại

Triết lý giáo dục của Nhà trường mặc dù được phổ biến rộng rãi trên website, tuy nhiên một số nhà tuyển dụng cũng như cựu sinh viên chưa thực sự hiểu rõ về ý nghĩa triết lý giáo dục của Nhà trường.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện    |
|----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | Tổ chức gặp gỡ thường niên với các nhà tuyển dụng, cựu SV...để giới thiệu về triết lý giáo dục, mục tiêu của Nhà trường, cũng như mục tiêu và CĐR của CTĐT. Tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan, ban hành rộng rãi mục tiêu GD và triết lý GD phù hợp với xu thế giáo dục trong tình hình mới. | Phòng TCHC<br>Khoa GDTH | Từ năm học 2022 – 2023 |
| 2  | Phát huy          | Xây dựng kế hoạch đầy mạnh hơn                                                                                                                                                                                                                                                                   | Khoa GDTH               | Hàng năm               |

|  |              |                                                                                                                      |  |  |
|--|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  | điểm<br>mạnh | nữa việc quảng bá triết lý giáo dục của Nhà trường; mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT đến đông đảo các bên liên quan. |  |  |
|--|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

5. Tự đánh giá: Đạt. Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

*Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Hoạt động dạy và học trong CTĐT ngành GDTH được thiết kế đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà trường và Bộ GD&ĐT, nhằm hướng tới đạt CĐR của CTĐT **[H4.04.02.01] [H4.04.02.02]**. Để giúp người học đạt được CĐR đó, mỗi học phần đều chú trọng thiết kế các hoạt động dạy và học cũng như áp dụng các phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp, hiệu quả. Mỗi học phần của CTĐT ngành GDTH đều thiết kế các hoạt động dạy học và triển khai các phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả, giúp người học đạt được các CĐR của học phần và CTĐT **[H4.04.02.03]**. Các phương pháp giảng dạy phổ biến như: thuyết trình, dạy học theo lí thuyết kiến tạo, dạy học hợp tác, dạy học phát hiện và giải thuyết vấn đề, tổ chức hoạt động trải nghiệm... được đa số các học phần lựa chọn, giúp SV đạt được các CĐR về kiến thức, kĩ năng **[H4.04.02.04]**. Các phương pháp dạy học tích cực này được áp dụng linh hoạt và hiệu quả trong mỗi tiết học, cuốn hút mọi hoạt động thảo luận, thực hành, làm việc nhóm... của SV, giúp SV dễ dàng từng bước tiếp cận với CĐR.

Các hoạt động kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm với các phương pháp tiếp cận đặc thù là những biểu hiện cụ thể của phương châm dạy học “lý thuyết gắn liền với thực tiễn” Việc tổ chức các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục ở trường tiểu học là cách thức giúp sinh viên được cọ xát nghề nghiệp, tích lũy các kĩ năng cần thiết nhất để trở thành GV tiểu học, đạt được CĐR của CTĐT và đáp ứng yêu cầu của xã hội **[H4.04.02.05]**. Đây là thời gian giúp SV củng cố được kiến thức, tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, có thái độ đúng đắn hơn về nghề nghiệp và tiếp cận với thực tế nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, người học vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong quá trình thực tập giảng dạy tại trường phổ thông, biến những vấn đề lý thuyết, kỹ năng đã được trang bị thành hiện thực. Bên cạnh các hoạt động kiến tập, thực tập, sinh viên còn được tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp sinh viên đạt được CĐR về kĩ năng, thái độ như tham gia sinh hoạt tại Câu lạc bộ chữ đẹp của Liên Chi đoàn, tham gia các cuộc thi do Liên Chi đoàn tổ chức, tham gia các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ học tập **[H4.04.02.06]**. Các hoạt động này giúp cho SV vận dụng được kiến thức chuyên môn để có thể đảm nhận công việc giảng dạy tại các trường tiểu học và hiểu biết được vai trò, trách nhiệm của cử nhân GDTH với cộng đồng và

xã hội **[H4.04.02.07]** **[H4.04.02.08]** **[H4.04.02.09]**. Trong năm học, các hội thảo, hội nghị khoa học, seminar... về chuyên môn được tổ chức định kỳ giúp người học tiếp cận với hoạt động NCKH và trao đổi học thuật, rèn luyện tư duy phản biện, rèn luyện khả năng tự học tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời **[H4.04.02.010]**. Các bộ môn thường tổ chức cập nhật kiến thức bằng các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn học thuật, tự học bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ ...

Đặc biệt, trong CTĐT ngành GDTH được thiết kế có các môn học Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, kiến tập, thực tập và khóa luận tốt nghiệp, vì thế các PPDH tích cực (dạy học phát hiện và giải thuyết vấn đề, dạy học theo lí thuyết kiến tạo, tổ chức hoạt động trải nghiệm) được áp dụng thường xuyên và hiệu quả **[H4.04.02.11]** **[H4.04.02.12]**. Các phương pháp giảng dạy tích cực thể hiện trong đề cương chi tiết môn học đã giúp SV đạt được các CDR về kiến thức, kĩ năng cần thiết để khi ra trường có thể đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Nhà trường chỉ đạo nghiên cứu đổi mới PPDH theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu nhằm phát huy tính tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của SV như cho sinh viên làm bài tập của các môn học, tham gia NCKH.... Bên cạnh đổi mới PPDH, GV còn hướng dẫn người học chủ động tự học, tự nghiên cứu, tự lựa chọn phương pháp học tập phù hợp với nhu cầu, năng lực của bản thân người học và phù hợp đáp ứng CDR chứ không lệ thuộc vào sự truyền đạt kiến thức của GV... Mỗi hoạt động dạy và học đều được thiết kế đáp ứng chuẩn đầu ra.

Với sự đổi mới trong công tác giảng dạy, hoạt động học của SV trở nên chủ động và tích cực hơn. Thời lượng giờ tự học của mỗi học phần được xác định theo qui định chung và được ghi rõ ràng trong ĐCHP **[H4.04.02.13]**. SV có thể thực hiện giờ tự học, bài tập cá nhân hay bài tập nhóm ở thư viện hoặc ở nhà. Hoạt động seminar hoặc thảo luận nhóm được thực hiện trên lớp dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV hoặc theo nhóm ở giảng đường dưới sự tổ chức của nhóm trưởng được phân công với các nội dung do GV định hướng **[H4.04.02.14]**. Các hoạt động này ngoài việc góp phần giúp SV đạt được các CDR về kiến thức còn có tác dụng phát triển cho SV kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết. SV của ngành GDTH sau khi đạt được những điều kiện theo quy định sẽ được đi thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục, các trường tiểu học... **[H4.04.02.15]**. Hoạt động này giúp cho SV bước đầu vận dụng kiến thức đã được học vào thực tế nghề nghiệp, từ đó hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học luôn được Nhà

trường/Khoa quan tâm. Giảng viên của Khoa đã sử dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến (learning management system) để có thể cung cấp thông tin về môn học, kế hoạch giảng dạy và học liệu, hỗ trợ SV tự học, thực hiện KTĐG sinh viên được hiệu quả **[H4.04.02.16]**.

Mô hình dạy học E-learning đã được bắt đầu từ học kì II năm học 2019-2020 tại Trường ĐHSP-ĐHĐN, là phương thức dạy học chủ đạo trong tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, đồng thời là một trong những phương thức hữu hiệu hướng tới các thành phần người học đa dạng của Nhà trường trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp 4.0 **[H4.04.02.17] [H4.04.02.18]**. Với phương pháp dạy học này cùng với việc sử dụng CNTT, mạng Internet, người học có thể học ở mọi lúc, mọi nơi với số lần nghe giảng không hạn chế, do đó dễ dàng đạt được CĐR của học phần, của CTĐT. Tuy nhiên, một số SV tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những SV năm thứ nhất.

Bên cạnh đó, đội ngũ cố vấn học tập, giảng viên và các trợ lý luôn sẵn sàng hỗ trợ người học về tài liệu học tập, phương pháp học tập và các vấn đề liên quan đến môn học và CTDH. Để rèn luyện thêm về kỹ năng, nghiệp vụ cũng như thái độ của người học, khoa GDTH còn tích cực tổ chức, khuyến khích SV tham gia các hoạt động ngoại khóa như: tham gia sinh hoạt các CLB: Viết chữ đẹp, Tiếng Anh, Sinh viên 5 tốt...; tham gia các hội thi: Nghiệp vụ sư phạm, Thuyết trình sách dành cho thiếu nhi, Làm tranh xé giấy, Viết chữ đẹp và trang trí bảng...; tham gia các hoạt động thể thao: giải bóng đá, giải bóng chuyền, Ngày hội SV khỏe... **[H4.04.02.19]**. Đây là những sân chơi bổ ích giúp người học vừa cải thiện khả năng thẩm thấu kiến thức vừa phát triển các kỹ năng mềm cần thiết như kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, giao tiếp hiệu quả. Ngoài ra, để nâng cao ý thức cộng đồng của người học, Khoa GDTH khuyến khích người học tham gia các hoạt động xã hội như: Chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh; hiến máu nhân đạo; các chương trình tình nguyện do Trường và Liên Chi đoàn tổ chức; tham gia đội hình tình nguyện phòng chống dịch Covid... **[H4.04.02.20]**.

Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được tiến hành thường xuyên dưới nhiều hình thức: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy của GV, tổ chức lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ người học trong từng học kỳ để kịp thời điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng CĐR.

Kết quả lấy phiếu phản hồi được tổng hợp và gửi đến từng GV. Qua đó, GV có cơ sở để điều chỉnh hoạt động giảng dạy nhằm phát huy những ưu điểm và khắc phục tồn tại. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của SV cho thấy, trên 90% người học hài lòng với PPDH được sử dụng trong các học phần **[H4.04.02.21]**.

Trên cơ sở kết quả đánh giá sự hài lòng của sinh viên về tổ chức hoạt động dạy học, đặc biệt là việc sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực của giảng viên, Nhà trường và Khoa tổ chức các hội thảo về phương pháp giảng dạy cho giảng viên [H4.04.02.22]. Bên cạnh đó, Khoa cử giảng viên tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực về các phương pháp giảng dạy đa dạng giúp cải thiện chất lượng cho các hoạt động dạy-học [H4.04.02.23].

## 2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học của các học phần trong CTĐT ngành GDTH được thiết kế với các hình thức và phương pháp dạy học đa dạng, linh hoạt giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, hình thành thái độ và kỹ năng nhằm đạt được CĐR;

Các hoạt động dạy – học thường xuyên được lấy ý kiến đánh giá từ SV để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng năm học nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Đồng thời, nhà trường và khoa đã tăng cường thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực sư phạm cho giảng viên;

Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa giáo viên và sinh viên. Khoa cũng quan tâm và thường xuyên phối hợp với Liên Chi đoàn để tổ chức các hoạt động ngoại khoá nhằm hỗ trợ SV hình thành và phát triển các kỹ năng học tập và kỹ năng mềm.

## 3. Điểm tồn tại

Do ảnh hưởng của dịch bệnh, ở nhiều thời điểm, việc giảng dạy được tiến hành theo phương thức trực tuyến. Một số SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất chưa kịp thích nghi với các phương pháp dạy học này, dẫn đến việc khó khăn khi đạt CĐR của môn học, từ đó ít nhiều ảnh hưởng tới tiến độ đạt CĐR của CTĐT.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện    |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tổ chức seminar để trao đổi về kỹ thuật, phương pháp giảng dạy trực tuyến, đồng thời phổ biến phương pháp học tập trực tuyến hiệu quả đến SV. | Khoa GDTH               | Từ năm học 2022 – 2023 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | -Tổ chức tốt hoạt động dạy và học đảm bảo theo chương trình và đề cương đã xây dựng.<br>- Tiếp tục đẩy mạnh các                               | Khoa GDTH               | Hàng năm               |

|  |  |                                                        |  |  |
|--|--|--------------------------------------------------------|--|--|
|  |  | PPDH thực hành, trải nghiệm và các PPDH tích cực khác. |  |  |
|--|--|--------------------------------------------------------|--|--|

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

*Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhận thức được vai trò quan trọng của việc rèn luyện các kỹ năng và học tập suốt đời, hoạt động dạy học đều hướng đến trang bị cho SV hệ thống các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập. Các hoạt động từ dạy và học lý thuyết đến thực hành, hoạt động NCKH, bài tập nhóm, thảo luận, đi kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm ở trường tiểu học đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu và đặc biệt có khả năng học tập suốt đời **[H4.04.03.01] [H4.04.03.02]**. ĐCCTHP là nơi hiện thực hóa nội dung CTDH để đạt CDR, cũng là nơi cung cấp cho NH nội dung, hình thức và định hướng phương pháp học tập. Trong ĐCCTH của các môn học đều nêu rõ các nội dung, hình thức học tập, hình thức KTĐG, cơ cấu điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần. Tùy vào nội dung của các bài học, ĐCCTHP có cách tổ chức giờ học và PPDH khác nhau. Nội dung và hình thức tổ chức và PPDH được chi tiết hóa, cụ thể hóa đến từng giờ học. Cụ thể cho thấy, sau nhiều lần chỉnh sửa CTĐT và ĐCCT các học phần, khối lượng các tiết thảo luận, thực hành ngày càng tăng **[H4.04.03.03]**. Sự đa dạng trong các hình thức KTĐG đòi hỏi NH phải thực sự chủ động, linh hoạt nắm bắt kiến thức, thành thạo kỹ năng. Vì thế, NH phải luôn rèn luyện tư duy khoa học: khả năng nhận diện vấn đề, khả năng phân tích và tổng hợp, tư duy phản biện, ... rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và các kỹ năng mềm khác: kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng ứng xử, kỹ năng ngoại ngữ, tin học, kỹ năng khai thác tài liệu, tìm kiếm thông tin,... Những yêu cầu này hình thành cho NH thói quen tự giác, tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu, tạo tiền đề cho khả năng học tập suốt đời. 100% ĐCCT học phần đều mô tả rõ việc sử dụng các hoạt động dạy và học thúc đẩy và rèn luyện các kỹ năng tiếp nhận và xử lý thông tin. Đặc biệt trong các lần điều chỉnh ĐCCT học phần đều nêu rất rõ những mục tiêu cần đạt được trong các học phần đó tập trung vào 2 mục tiêu chính là mục tiêu kiến thức và mục tiêu kỹ năng **[H4.04.03.04]**; 100% ĐCCT học phần mô tả rõ hoạt động dạy học có tác động hiệu quả đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời. Đề cương mỗi môn học đều có phần hướng dẫn tự học của học phần nhằm hướng dẫn SV tự học, khối lượng kiến thức tự học được quy định bằng 2 lần khối lượng giờ học trên lớp. Mỗi học phần đều mô tả chi

tiết các kiến thức và kỹ năng SV đạt được khi kết thúc học phần.

Các hoạt động học tập chính khóa giúp người học trang bị kiến thức chuyên môn, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm. Về hoạt động giảng dạy, giảng viên dành thời gian trên lớp truyền đạt các kiến thức nền tảng, đồng thời giải đáp thắc mắc và định hướng cho sinh viên tìm hiểu thêm qua hệ thống tham khảo trên thư viện Trường hoặc kho dữ liệu cá nhân của chính các giảng viên. Các kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng đặt vấn đề - giải quyết vấn đề với nguồn tài nguyên kiến thức trực tuyến thông qua đó được hình thành và giúp cho người học rất nhiều cho quá trình làm việc sau này.

Ngoài ra, hoạt động NCKH và kiến tập, thực tập sư phạm giúp SV rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể, được thể hiện thông qua các thành tích NCKH **[H4.04.03.05] [H4.04.03.06] [H4.04.03.07] [H4.04.03.08]**.

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học, tự nghiên cứu, kết quả thực hiện các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế được giảng viên bố trí hài hòa, phù hợp trong ĐCCTHP và từng tiết học. Việc sử dụng linh hoạt các phương pháp DH truyền thống kết hợp với hiện đại của hình thức đào tạo tín chỉ đã đưa NH lên vị trí trung tâm của hoạt động DH. GV chỉ là người tổ chức, dẫn dắt và kết nối NH với hệ thống kiến thức trong giáo trình và TLDH. GV xác định rõ các hoạt động tự học phù hợp với các HP (nghiên cứu tài liệu, bài tập nhóm, tiểu luận...) và có phương pháp hình thức KTĐG hiệu quả về việc tự học của người học: giao bài tập, bài kiểm tra nhanh (quiz), thực hiện báo cáo, bài thu hoạch, thực hiện dự án NCKH sinh viên; chú trọng một số kỹ năng, năng lực, phẩm chất cần thiết cho việc học tập suốt đời của SV (*Kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn, phân tích thông tin cần thiết, phân tích, tổng hợp tài liệu; tinh thần say mê học tập, tính ham hiểu biết, v.v.*) **[H4.04.03.02]**.

Nhà trường, Khoa xây dựng và tích hợp trang học trực tuyến e-learning với trang thông tin điện tử của Trường, sử dụng các công cụ CNTT trong truyền đạt kiến thức và hỗ trợ người học: dạy học trực tuyến, tương tác online hỗ trợ sinh viên triển khai các hoạt động tự học, làm đề tài nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp để khuyến khích khả năng tự học của người học **[H4.04.03.09]**.

Để có môi trường thuận lợi cho việc tự học, Nhà trường và Khoa cung cấp không gian tự học mà tại đó SV được cung cấp đầy đủ phương tiện để thực hiện việc học tập **[H4.04.03.10]**. Bên cạnh đó, SV được khuyến khích sử dụng tài liệu học tập và không gian học tập tại Thư viện Trường và Khoa với nhiều loại sách, tài liệu tham khảo, tạp

chí trong và ngoài nước **[H4.04.03.11]. [H4.04.03.12].**

Ngoài ra, trong những năm gần đây, Nhà trường có các chính sách hỗ trợ để thúc đẩy NCKH của sinh viên, khuyến khích năng lực NCKH của người dạy và người học, hướng dẫn SV tự học tự nghiên cứu để đáp ứng mục tiêu học tập suốt đời **[H4.04.03.13].** Sinh viên ngành GDTH được tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như: chuyên đề, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô **[H4.04.03.14].** Các nghiên cứu có chất lượng được chọn để báo cáo trong hội nghị SVNCKH cấp Trường **[H4.04.03.15].** Đối với những SV có nhu cầu tiếp tục học tập trình độ cao tại Khoa GDTH, Khoa còn có CTĐT Thạc sỹ Giáo dục học (GDTH) đáp ứng nhu cầu phát triển bản thân khi hoàn thành chương trình đại học qua đó phát triển các kỹ năng nghiên cứu, tự học, học tập suốt đời **[H4.04.03.16] [H4.04.03.17].**

Sau khi kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV với những tiêu chí cụ thể: hoạt động giảng dạy có tác dụng rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV; khuyến khích sáng tạo, tư duy độc lập; tư vấn và tổ chức, hướng dẫn hoạt động học; về chất lượng giảng dạy. Kết quả nhận được cho thấy, trên 90% số SV được lấy ý kiến hài lòng và rất hài lòng với các tiêu chí trên về hoạt động giảng dạy của GV **[H4.04.03.18].**

## *2. Điểm mạnh*

- Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp tạo điều kiện cho người học rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học;

- Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT GDTH thể hiện đa dạng các PPDH và có tác dụng đẩy việc rèn luyện các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề; hoạt động tự học/tự nghiên cứu đều được mô tả cụ thể trong các ĐCCT học phần nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng tự học suốt đời cho người học;

- CTĐT, đề cương chi tiết các học phần được rà soát và điều chỉnh định kì phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội và xu thế hội nhập khu vực và thế giới.

## *3. Điểm tồn tại*

Vẫn còn một số ít giảng viên chưa có những biện pháp hiệu quả để khích lệ khả năng tư duy phản biện, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo cho SV.

## *4. Kế hoạch hành động*

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                   | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện    |
|----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | - Tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến PPDH từ cấp bộ môn đến cấp Khoa có chất lượng hơn. Tăng cường các hoạt động thực nghiệm, ngoại khóa, | Khoa GDTH               | Từ năm học 2022 – 2023 |

|   |                    |                                                                                                                                                 |           |          |
|---|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|
|   |                    | thực tế.<br>- Mời một số cựu sinh viên thành công trong lĩnh vực giáo dục chia sẻ kinh nghiệm cho GV và SV.                                     |           |          |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tăng cường tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá cho giảng viên; các phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. | Khoa GDTH | Hàng năm |

5. Tự đánh giá: Đạt. Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Về cơ bản triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Đây là cơ sở để khoa xây dựng mục tiêu đào tạo và kết nối hệ thống nội dung chương trình, các hoạt động, phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá của mỗi CTĐT. Các hoạt động dạy và học đã được thiết kế phù hợp, đa dạng và linh hoạt để đạt CĐR, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Bên cạnh đó, các hoạt động dạy và học được thiết kế và tổ chức đã thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mạnh, còn một số tồn tại: một số đối tượng như nhà tuyển dụng, cựu sinh viên chưa thực sự hiểu rõ về triết lý giáo dục của Nhà trường. Một số giảng viên mới được tuyển dụng chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức hoạt động dạy học nhằm đạt được CĐR. Nhà trường và khoa sẽ tổ chức các hoạt động nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục những điểm tồn tại, bao gồm: Tổ chức gặp gỡ thường niên với các nhà tuyển dụng, cựu SV... để giới thiệu về triết lý giáo dục, mục tiêu của nhà trường, cũng như mục tiêu và CĐR của CTĐT; Tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến PPDH từ cấp bộ môn đến cấp Khoa có chất lượng hơn; Mời một số cựu sinh viên thành công trong lĩnh vực giáo dục chia sẻ kinh nghiệm cho GV và SV...

*Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 4: 3/3 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7.*

#### **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

##### **Mở đầu**

Đánh giá kết quả học tập của SV là khâu quan trọng trong hoạt động đào tạo và được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình SV tham gia học tập tại Khoa GDTH, Trường ĐHSP-ĐHĐN. Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT ngành GDTH, chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá

trị, tin cậy, sự công bằng. Đánh giá với tư cách như là một quá trình học tập, qua đó, người học tự ý thức khả năng học tập của mình đang ở mức độ nào, từ đó thiết lập mục tiêu học tập cá nhân nhằm cải thiện tình hình học tập, để tốt hơn. Vì vậy, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định kiểm tra đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, cũng như tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

*Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Việc đánh giá kết quả học tập luôn bám sát với nội dung CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Mặt khác, công việc này còn được đánh giá với CĐR của các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng tin học.

Việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDTH, Trường ĐHSP-ĐHĐN được triển khai theo các Quy chế, quy định của BGD&ĐT và của trường ĐHSP-ĐHĐN. [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Trên cơ sở quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó quy định rõ ràng phương thức tuyển sinh, các tiêu chí đối với người học để được tuyển thẳng hay xét tuyển vào học ngành GDTH [H5.05.01.04], [H5.05.01.05].

Để có căn cứ đánh giá kết quả học tập của người học, từ quy định đánh giá quá trình học tập theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về quy trình thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.01.06]. Các hình thức kiểm tra, đánh giá KQHT người học được Nhà trường phổ biến và công khai thông qua đề cương chi tiết các học phần. Hình thức thi phù hợp đặc thù của các học phần với các hình thức chủ yếu: tự luận, thực hành, trắc nghiệm trên máy tính và trình bày báo cáo... nhằm đánh giá hết khả năng, kỹ năng mềm của SV như trình bày nói, trình bày viết, phân tích thông tin... 100% ĐCCT của CTĐT GDTH có quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, nội dung, tỷ trọng điểm [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10]. Các quy định, hướng dẫn này được công bố rộng rãi cho SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá cũng như bắt đầu mỗi học phần, trong Sổ tay sinh viên, trên trang thông điện tử của Nhà trường và phòng Đào tạo [H5.05.01.11], [H5.05.01.12], [H5.05.01.13], [H5.05.01.14]. SV được biết các quy định về kiểm tra đánh giá để điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học, các quy định đó được thể hiện rõ trong ĐCCT từng HP và được thay đổi cho phù hợp với thực tế.

Trong suốt quá trình học tập, NH trải qua các khâu đánh giá, bao gồm: kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập, khóa luận tốt nghiệp. Các khâu đánh giá này được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Dựa vào các CĐR và các chỉ số

năng lực của NH cần đạt được của CTĐT (chỉ số PI), cũng như ma trận CDR của từng HP đối với CTĐT, mỗi ĐCCT của HP quy định rõ về quy trình kiểm tra, đánh giá với các hình thức, phương pháp và nội dung đa dạng, đảm bảo phù hợp với nội dung kiến thức trong HP cũng như đạt được các yêu cầu CDR của HP và của CTĐT. Đề cương các môn học trong CTĐT đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Từ mục tiêu của môn học, giảng viên xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra đánh giá phù hợp với môn học. Hình thức đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, báo cáo, thuyết trình ...đối với đánh giá giữa kì; thi viết tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, tiểu luận, bài tập lớn đối với đánh giá cuối kì [H5.05.01.07] [H5.05.01.8], [H5.05.01.10]. Tất cả đề thi của các học phần trong KCT đào tạo của Khoa GDTH đều được trưởng bộ môn kiểm tra và phê duyệt [H5.05.01.15].

Ngoài ra, học phần kiến tập sư phạm (KTSP) được triển khai trong học kỳ 7, học phần thực tập sư phạm (TTSP) triển khai ở học kỳ 8 trong KCT. Các yêu cầu cụ thể về: thời lượng, phương thức tổ chức thực hiện, nội dung cũng như cách đánh giá, các thang điểm đánh giá, nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, tập thể của KTSP, TTSP được thực hiện theo các quy định, quy chế của Trường ĐHSP–ĐHĐN [H5.05.01.02], [H5.05.01.16].

Từ năm 2017 đến năm 2020, thi KLTN là học phần tự chọn. Từ năm 2021, KLTN được xếp vào nhóm học phần tự chọn bắt buộc: SV có thể lựa chọn KLTN hoặc chọn 02 học phần thay thế (Thiết kế chủ đề dạy học STEM ở tiểu học và Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học các môn học ở tiểu học). Để có đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, SV cần đạt các điều kiện cần và đủ theo yêu cầu của Trường ĐHSP–ĐHĐN, các SV cần đạt điểm trung bình chung học tập trên 2,5/4,0 [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], [H5.05.01.17], [H5.05.01.18], [H5.05.01.19], [H5.05.01.20]. Đề tài khóa luận tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có tính thực tiễn cao. Khóa luận tốt nghiệp đều có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với SV [H5.05.01.10], [H5.05.01.21]. Nhà trường đánh giá tốt nghiệp theo các yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa lý luận, thực tiễn, hệ thống khái niệm và phương pháp nghiên cứu, cơ sở nghiên cứu, kết quả đạt được CDR [H5.05.01.08], [H5.05.01.15 ], [H5.05.01.22].

Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị chuyên trách về thực hiện các hoạt động KTĐG

và là đơn vị phối hợp cùng với các Khoa thực hiện việc tổ chức các kỳ thi giữa học phần, thi kết thúc học phần để đảm bảo việc đánh giá KQHT của SV là khách quan, chính xác và công bằng [H5.05.01.23], [H5.05.01.24].

Ngoài đánh giá KQHT của người học từ phía Trường và khoa, việc đánh giá thái độ còn có sự tham gia của Đoàn Thanh niên, Hội SV và ban cán sự lớp thông qua xét điểm rèn luyện hàng kỳ làm cơ sở để cấp học bổng khuyến khích học tập [H5.05.01.18].

## 2. Điểm mạnh

- Nhà trường có quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá KQHT của NH. Các hoạt động/phương pháp KTĐG KQHT của NH ngành GDTH được thiết kế phù hợp với tính chất đặc thù của ngành đào tạo và phù hợp để đo lường mức độ đạt CĐR;

- Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Tất cả các đề thi của các môn học đều được các Tổ bộ môn xem xét từng câu hỏi đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học;

- Đối với các học phần thực kiến tập, thực tập sư phạm đều có thêm sự phối hợp của các giáo viên tiểu học để đánh giá SV về các tiêu chí như thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng hành nghề, sự tuân thủ các nội quy tại trường tiểu học;

## 3. Điểm tồn tại

Đánh giá các CĐR liên quan đến thái độ, hành vi còn gặp khó khăn.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện    |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết hợp nhiều hình thức đánh giá và nhiều bên liên quan trong việc đánh giá phẩm chất, thái độ, hành vi của người học.</li> <li>- Thiết kế, đưa ra các nghiên cứu trường hợp (case study) để đánh giá thái độ của NH.</li> </ul> | Khoa GDTH               | Từ năm học 2022 - 2023 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện công tác đánh giá KQHT của NH theo đúng quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu                                                                  | Khoa GDTH               | Hàng năm               |

|  |  |                                 |  |  |
|--|--|---------------------------------|--|--|
|  |  | từng HP phù hợp với mức độ CDR. |  |  |
|--|--|---------------------------------|--|--|

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

*Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá kết quả học tập là một nội dung quan trọng trong quy trình đào tạo, thể hiện sự cam kết của trường đại học, cũng như của mỗi GV về chất lượng đào tạo, nhằm cung ứng cho xã hội nguồn lực có chất lượng cao. Nhận thức sâu sắc vấn đề này, Nhà trường đã có các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm: quy chế thi, thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi ... Các quy định về đánh giá kết quả học tập người học được thực hiện đúng theo Quy chế đào tạo đại học của Bộ GD&ĐT và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.02.03]**. Quy định về KTĐG này được công bố công khai, đầy đủ trên trang website của Phòng Đào tạo Trường ĐHSP- ĐHĐN, cũng như trong Sổ tay sinh viên **[H5.05.02.04], [H5.05.02.05]**. Các quy định về thời gian các kỳ thi (tuyển sinh đầu vào, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp...) được mô tả cụ thể trong kế hoạch đào tạo **[H5.05.02.06]**. Các hình thức thi (vấn đáp, viết), phương pháp kiểm tra đánh giá (tự luận, trắc nghiệm khách quan, bài tập lớn, thuyết trình...) tiêu chuẩn đánh giá, trọng số điểm, ... được mô tả cụ thể, rõ ràng trong đề đề cương chi tiết học phần **[H5.05.02.07], [H5.05.02.08], [H5.05.02.09]**.

Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCLGD để phối hợp với các khoa tổ chức đánh giá KQHT của người học. Phòng KT&ĐBCLGD đã ban hành Quy định về tổ chức thi, KTĐG kết thúc học phần tại trường ĐHSP-ĐHĐN và được thông báo công khai và phổ biến đến SV, GV, giáo vụ khoa và cán bộ coi thi **[H5.05.02.08], [H5.05.02.09], [H5.05.02.10]**. Trong đó, các phương pháp đánh giá kết quả của người học cần đảm bảo sự đa dạng, đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy, đảm bảo sự công bằng (cho người học và các thành viên có liên quan). Trong các văn bản hướng dẫn về công tác khảo thí có nêu rõ trách nhiệm đối với các Khoa về việc đề xuất và thông báo hình thức thi tới người học thông qua đề cương chi tiết. Tất cả đề cương các học phần đều nêu rõ hình thức, thời gian, tiêu chí, trọng số điểm kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp...), đặc biệt chú trọng việc xây dựng rubric (đặc biệt đối với các phương thức đánh giá như thi vấn đáp, bài báo cáo, thí nghiệm thực hành, dự án & thực tập tốt nghiệp). Các Rubric có các tiêu chí đánh giá được mô tả chi tiết và cụ thể, bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra học phần, hỗ trợ đánh giá hiệu quả, đảm bảo được tính khách quan,

minh bạch và nhất quán trong đánh giá và được GV giảng dạy học phần đó cung cấp cho sinh viên lớp học phần, đảm bảo 100% SV hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của người học **[H5.05.02.07], [H5.05.02.11]**. Trong kỳ II năm học 2020-2021, do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, Nhà trường cũng đã nhanh chóng, kịp thời đưa công văn số 526/ĐHSP-KT&ĐBCLGD về việc Hướng dẫn thi kết thúc học kỳ. Trong công văn nêu rõ việc cần làm đối với giảng viên, với sinh viên cũng như với các khoa, phòng ban **[H5.05.02.12]**.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học thường xuyên suốt trong quá trình học tập thông qua các hình thức như: thi viết tự luận, thi trắc nghiệm khách quan, thi vấn đáp, thi thực hành, viết tiểu luận... tùy theo tính chất từng môn học **[H5.05.02.07]**. Điểm học phần là trung bình cộng theo trọng số của điểm đánh quá trình và điểm thi kết thúc học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân (đối với những học phần có thi kết thúc học phần) **[H5.05.02.08]**.

Về thời gian, bài kiểm tra giữa kì được thực hiện vào tuần thứ 8, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau 15 tuần sau khi kết thúc học phần. Trọng số điểm của các thành phần đánh giá đối với 1 học phần là (1) đánh giá tháo độ, hành vi (20%), đánh giá giữa kỳ (30%), đánh giá cuối kỳ (50%). Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường **[H5.05.02.07], [H5.05.02.09], [H5.05.02.13]**. Điểm chuyên cần và giữa kì được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học **[H5.05.02.14]**. Điểm cuối kì được cập nhật trên cổng thông tin SV **[H5.05.02.15]**. Thời gian thi kết thúc học phần do phòng KT&ĐBCLGD xác định sau đó được trường phê duyệt và công bố cho sinh viên ít nhất 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu **[H5.05.02.16]**.

Mỗi GV giảng dạy phụ trách nhập điểm giữa kỳ lên phần mềm chậm nhất 02 tuần sau khi thi kết thúc giữa và người học có thể kiểm tra điểm trên tài khoản cá nhân của mỗi sinh viên; đồng thời người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn điều chỉnh điểm. Công tác ra đề thi luôn đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, đánh giá được trình độ của người học. Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá, các biểu mẫu đánh giá khoá học/môn học, đề tài, khoá luận của Nhà trường **[H5.05.02.07], [H5.05.02.08], [H5.05.02.09]**.

Việc khiếu nại: nếu người học chưa thỏa mãn với kết quả thi thì có quyền nộp đơn phúc khảo điểm thi. Đơn phúc khảo nộp trực tiếp cho Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng có nhiệm vụ chuyển bài phúc khảo đến GV các Khoa và cập nhật điểm thi nếu có thay đổi điểm chấm phúc khảo **[H5.05.02.10], [H5.05.02.16], [H5.05.02.17]**.

Đánh giá kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm và khóa luận của SV đều có bộ tiêu chuẩn cụ thể **[H5.05.02.18], [H5.05.02.19]**. Việc kiểm tra, đánh giá và tổ chức thi đã bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn chương trình ở mức độ khá toàn diện. Để được làm khóa luận tốt nghiệp, SV phải đạt điểm trung bình chung học tập trên 2,5/ 4,0. Ngoài đánh giá học phần, thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện của SV theo đúng yêu cầu **[H5.05.02.20]**.

Đối với khóa luận tốt nghiệp, Khoa GDTH thông báo với sinh viên và giảng viên hướng dẫn thông tin về quy định bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, hội đồng chấm, danh sách giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện, mẫu trình bày khóa luận đến SV. Điểm khóa luận được công khai ngay sau khi Hội đồng thống nhất ý kiến, trong ngày SV bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, phù hợp với quy định để đảm bảo đúng yêu cầu, tiến trình xét tốt nghiệp cho SV **[H5.05.02.21]**.

Đồng thời cũng thông qua các quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn đó (Đề cương chi tiết, văn bản hướng dẫn CDR, văn bản về công tác khảo thí,...), người học dễ dàng nắm bắt và thực hiện giúp bảo vệ quyền lợi chính đáng về kết quả thi, KQHT... Theo quy định của Nhà trường về quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, các quyết định, quy định hướng dẫn về công tác khảo thí, Khoa đã yêu cầu tất cả GV lên lớp phải công khai đề cương chi tiết vào buổi đầu tiên lên lớp nhằm cung cấp tài liệu học tập và hình thức thi của học phần tới SV.

Trước khi học mỗi học phần, GV công bố công khai các quy định về thời gian các kỳ thi, các phương thức kiểm tra đánh giá, các tiêu chí đánh giá, trọng số điểm, các yêu cầu của Nhà trường đối với người học, cơ chế phản hồi, nên 100% người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của mình. Kết thúc mỗi học phần, Khoa đều triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của SV về các hoạt động giảng dạy, phương pháp và nội dung kiểm tra đánh giá của GV. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% ý kiến phản hồi đều đánh giá hài lòng và rất hài lòng **[H5.05.02.22]**.

## *2. Điểm mạnh*

- Các quy định về đánh giá KQHT đều rõ ràng và được công bố công khai với người học ngay trong tuần sinh hoạt công dân (phát cho SV hoặc đăng tải trên cổng thông tin đào tạo của Nhà trường), Sổ tay SV và Quy chế đào tạo đại học. Toàn bộ giảng viên của Khoa GDTH đều thực hiện việc thông báo quy định về đánh giá đến SV ngay từ đầu tuần 1 của quá trình giảng dạy. Những yêu cầu cụ thể về kì thi cuối kì được nhấn mạnh lại ít nhất một lần nữa ngay trước khi kết thúc quá trình giảng dạy.

- Bộ phận trợ lý giáo vụ của Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo của Trường, các đội ngũ cố vấn học tập trong việc thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập, nên kết quả học tập được chuyển đến SV trong thời gian nhanh nhất có thể. Công tác quản lý hoạt động đào tạo, kiểm tra, đánh giá của CTĐT đều

tuân thủ các quy định một cách nghiêm túc.

### 3. Điểm tồn tại

Các hình thức đánh giá năng lực của người học còn khó khăn.

### 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện   | Thời gian thực hiện    |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Thay đổi cách thức đánh giá năng lực của người học; ứng dụng công nghệ thông tin giúp cải tiến chất lượng giảng dạy và học tập một cách nhanh chóng và kịp thời. | Phòng KT&ĐBCLGD Khoa GDTH | Từ năm học 2022 - 2023 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện tốt quy định về đánh giá KQHT của người học và thông báo công khai đến người học.                                                             | Khoa GDTH                 | Hàng năm               |

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

*Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định mục đích của công tác kiểm tra, đánh giá không chỉ để xác nhận kết quả học tập của người học, mà còn thúc đẩy và hỗ trợ việc học tập của SV. Phương pháp đánh giá KQHT là một trong những phần quan trọng trong quy trình đánh giá KQHT của NH. GV giảng dạy của CTĐT GDTH đã sử dụng tổ hợp các phương pháp trong việc đánh giá KQHT của người học. Giảng viên thực hiện các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, theo quy định về kiểm tra đánh giá [H5.05.03.01] [H5.05.03.02], [H5.05.03.03] [H5.05.03.04] [H5.05.03.05] [H5.05.03.06]. Theo đó, việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện đối với học phần, theo học kỳ và cho toàn khoá học.

GV phụ trách học phần trong KCT đào tạo ngành GDTH có hình thức kiểm tra đánh giá rất đa dạng: đánh giá trong quá trình học tập qua thảo luận nhóm, báo cáo thuyết trình; tiểu luận, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm... [H5.05.03.07], [H5.05.03.08], [H5.05.03.09]. Hình thức thi của mỗi học phần do GV và Trưởng bộ môn thống nhất và ghi rõ trong đề cương chi tiết, và nếu có thay đổi hình thức thi đều phải có sự thống nhất giữa các GV giảng dạy và Trưởng bộ môn [H5.05.03.10].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Về độ giá trị, mỗi môn học đều có bộ câu hỏi ôn tập được bộ môn thông qua sau khi

hợp điều chỉnh, đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương môn học [H5.05.03.08], [H5.05.03.09], [H5.05.03.11]. Về tính tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập đảm bảo bao quát toàn bộ nội dung môn học cũng như toàn bộ CTĐT về các mặt: kiến thức (lí thuyết, thực hành, vận dụng), kỹ năng (ứng xử, nghiệp vụ sư phạm, thái độ với nghề nghiệp, ...). Việc đánh giá kết quả học tập được duy trì thường xuyên, kết hợp kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc môn học. Công tác đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện ở: đề thi, đề kiểm tra luôn đảm bảo bao quát chương trình, phản ánh đúng trình độ của người học và đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị và độ phân biệt. Đề thi và đáp án thi cuối kì được bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá trước khi nộp về Phòng KT&ĐBCLGD [H5.05.03.09], [H5.05.03.11]. Hằng năm Khoa GDTH tổ chức tổng kết, sơ kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần/môn học/CTĐT [H5.05.03.11], [H5.05.03.12], [H05.03.13]. Tuy nhiên, Khoa chưa hoàn thiện ngân hàng câu hỏi đề thi học phần của CTĐT GDTH.

Khi coi thi, ở mọi hình thức thi như: vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm thì mỗi môn thi đều có 02 cán bộ coi thi. Bài kiểm tra của SV được chấm chi tiết theo đáp án dưới quy trình chấm được chuẩn hóa (rọc phách, hai giảng viên cùng chấm, vào điểm...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Sự tin cậy và công bằng còn được đảm bảo trong khâu chấm điểm cuối kì. Mỗi bài thi đều yêu cầu có hai giảng viên cùng chấm để hạn chế tính chủ quan khi đánh giá [H5.05.03.14], [H5.05.03.15]. Nhà trường có sử dụng phần mềm nhập điểm thành phần để giảng viên chủ động nhập điểm thi giữa kỳ. Quy định về phương pháp đánh giá kết quả học tập được thông báo cho sinh viên [H5.05.03.16], [H5.05.03.17], [H5.05.03.18]. Điểm thành phần các học phần sẽ được đăng tải công khai trên website của Nhà trường và người học sẽ được thông báo công khai trên trang cá nhân [H5.05.03.19].

Việc chấm điểm kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm, khóa luận tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, công cụ sử dụng, kết quả thực tiễn... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá kiến tập, thực tập sư phạm, khóa luận tốt nghiệp [H5.05.03.03] [H5.05.03.04] [H5.05.03.05]. Điểm của khóa luận được tổng hợp từ điểm của giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện, hội đồng đánh giá (gồm tối thiểu ba thành viên hội đồng) [H5.05.03.20]. Nếu điểm của thành viên nào (kể cả người hướng dẫn và người phản biện) lệch quá 20% so với điểm trung bình cộng lần 1 sẽ không được tính. Điểm trung bình cộng lần 2 sẽ loại đi điểm của thành viên này. Hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp của Khoa sẽ họp, xem xét lại cách chấm điểm để đảm bảo sự tin cậy của phương pháp đánh giá và tính công bằng đối với SV [H5.05.03.21].

Ngoài ra, công tác KTĐG KQHT còn được tổ chức lấy ý phản hồi của SV, cựu SV nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng, nâng cao hiệu quả [H05.05.03.22]. Kết quả phản hồi của SV, cựu SV về hoạt động đánh giá KQHT của GV cho thấy, trên 90% NH đều hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng của phương pháp, quy trình và kết quả đánh giá. Không có tình trạng khiếu nại, phản nản của NH, cựu NH về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá KQHT của Khoa.

Dựa trên CTDH ngành GDTH có khoảng trên 49,18% các học phần tổ chức thi kết thúc học phần bằng hình thức tự luận. Theo quy định của Nhà trường, bộ phận Thanh tra của Phòng TCHC được giao nhiệm vụ thanh tra, giám sát các hoạt động tổ chức thi và công tác giải quyết khiếu nại của người học [H05.05.03.23].

## 2. Điểm mạnh

- Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng; đề thi đảm bảo độ tin cậy được bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi. Quy trình đánh giá khách quan, công bằng, minh bạch, tổ chức thi cử nghiêm minh.

- Trường/Khoa có yêu cầu cụ thể về quy cách làm khóa luận. Việc chấm điểm kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm, khóa luận tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng.

## 3. Điểm tồn tại

Khoa chưa hoàn thiện ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa các học phần của CTĐT GDTH.

## 4. Kế hoạch hành động

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                        | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện    |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Hoàn thiện ngân hàng câu hỏi đề thi học phần của CTĐT GDTH                                                                      | Khoa GDTH               | Từ năm học 2022 - 2023 |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Xây dựng kế hoạch rà soát các phương pháp đánh giá KQHT, đảm bảo độ tin cậy, công bằng, khách quan và phù hợp với hình thức ĐT. | Khoa GDTH               | Hàng năm               |

## 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

### 1. Mô tả hiện trạng

Việc phản hồi kết quả đánh giá đến người học được Nhà trường ghi rõ trong Quy định tổ chức thi học phần hệ chính quy. Quy định nêu rõ các cách phản hồi kết

quả học tập cho người học đối với từng hình thức thi cụ thể. Đối với thi vấn đáp, khóa luận tốt nghiệp và các học phần kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm, giảng viên công bố điểm cho SV ngay sau khi chấm thi xong. Các hình thức thi trắc nghiệm khách quan, tự luận, tiểu luận, sau khi nhận bài thi từ phòng KT&ĐBCLGD, giảng viên tiến hành chấm bài, trả bài thi trong vòng 07 ngày. Phòng KT&ĐBCLGD lên điểm theo phách trong phần mềm quản lý đào tạo **[H5.05.04.01]**.

Nhằm giúp quá trình quản lý KQHT của người học được chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ người học tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng, Nhà trường đã đầu tư phần mềm quản lý hệ thống điểm **[H5.05.04.02]**. Các quy định phản hồi về kết quả đánh giá được công bố công khai đúng thời gian quy định đến từng GV và SV để thực hiện và kiểm tra giám sát thông qua sổ tay SV, trang website của trường **[H5.05.04.03]**, **[H5.05.04.04]**. Từ đó, người học tự tin, rút kinh nghiệm, cải thiện việc học tập của mình.

Việc đánh giá quá trình được thực hiện theo quy định đánh giá KQHT của người học, được thể hiện trong đề cương chi tiết của học phần đã được phê duyệt và thông báo công khai cho sinh viên. GV giảng dạy học phần có trách nhiệm đánh giá quá trình bao gồm điểm chuyên cần, điểm thường xuyên và điểm kiểm tra định kỳ. Sau khi chấm xong, các bài kiểm tra GV phải thông báo điểm cho SV. SV có thể thắc mắc về điểm nếu thấy không thỏa đáng **[H5.05.04.05]**. SV được phản hồi và GV giải đáp trực tiếp, nếu có điều chỉnh hay không điều chỉnh GV cần thông báo công khai và nói rõ lý do.

Trước khi bắt đầu thi kết thúc học phần 01 tuần, giảng viên nhập điểm thi giữa kỳ trên hệ thống quản lý và hoàn thiện hồ sơ (bản chính) gửi cho Phòng Đào tạo, bản sao được lưu ở Khoa GDTH. SV có thể xem điểm của mình trên website quản lý học tập của từng cá nhân **[H5.05.04.02]**. Sau 7 ngày thi kết thúc học phần, người học được biết KQHT. Khi có thắc mắc về KQHT, SV có quyền nộp đơn phúc khảo bài thi về Phòng KT&ĐBCLGD. Phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp danh sách sinh viên phúc khảo bài thi và gửi biên bản cùng bài thi chấm phúc khảo đến Khoa GDTH **[H5.05.04.06]**. Tổ trưởng bộ môn lập danh sách phân công cán bộ chấm phúc khảo bài thi theo quy định của Nhà trường. Nếu có sự sai lệch điểm thi thì Phòng KT&ĐBCLGD dựa vào biên bản và bài thi đã chấm phúc khảo để điều chỉnh điểm trên phần mềm quản lý hệ thống. Điểm bài phúc khảo sau cùng sẽ được thông báo tới người học để lập kế hoạch học tập phù hợp hơn. Sau mỗi học kì, Nhà trường tổ chức thi kết thúc học phần, đánh giá KQHT của SV, xét học vụ và công bố KQHT của người học trên trang thông tin của Nhà trường **[H5.05.04.07]**. KQHT của SV được nhập chính xác, lưu trữ đầy đủ đúng quy trình tại Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng Đào tạo và các Khoa chuyên môn bằng bản giấy và trên phần mềm quản lý hệ thống. Bảng điểm lưu giữ KQHT của SV

theo từng học kì được Phòng Đào tạo, Khoa GDTH quản lý và được bảo đảm an toàn theo quy trình xác định, thuận lợi cho việc tra cứu điểm khi cần thiết. Những quy định về thi cuối kỳ, đánh giá KQHT của người học được Nhà trường công bố công khai đến GV và người học, đến email của Khoa GDTH và công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

Nhà trường đã nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phản hồi kịp thời kết quả kiểm tra đánh giá học tập của SV, do đó đã xây dựng hệ thống quản lý đo lường đánh giá chặt chẽ, khoa học, khách quan, chính xác công bằng và phản hồi kịp thời tới người học để nâng cao chất lượng đào tạo giúp sinh viên chủ động trong cả quá trình học tập của mình. Thông tin phản hồi về đánh giá KQHT được SV sử dụng để cải thiện việc học tập. Dựa vào KQHT và điểm rèn luyện của từng kì; căn cứ vào quyết định cảnh báo học vụ hằng kỳ để SV lập phương án học tập thích hợp, tránh được tình trạng bị buộc thôi học khi bị cảnh báo 3 kỳ liên tiếp **[H5.05.04.08], [H5.05.04.09], [H5.05.04.10], [H5.05.04.11]**. Với cách thức thông báo điểm thi trên phần mềm hệ thống và sinh viên tự kiểm tra theo tài khoản cá nhân nên luôn được sinh viên phản hồi hài lòng về hình thức thực hiện. Đôi khi do lỗi mạng, phần mềm một số học phần chưa đáp ứng về tiến độ. Từ kết quả khảo sát, đánh giá môn học và đánh giá chất lượng khóa học của Nhà trường cho thấy đa số SV và cựu SV hài lòng với việc thông báo điểm thi kịp thời và cách thức GV cung cấp thông tin phản hồi về bài làm của SV giúp họ điều chỉnh kịp thời các hoạt động học tập để cải thiện chất lượng **[H5.05.04.12]**.

## **2. Điểm mạnh**

KQHT của người học được công bố công khai và phản hồi kịp thời, đúng quy định hằng kỳ để SV sử dụng để lập phương án học tập thích hợp, giúp cải thiện việc học tập và điều chỉnh phương pháp học tập.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc phản hồi kết quả học tập cần đa dạng hơn.

## **4. Kế hoạch hành động**

| <b>TT</b> | <b>Mục tiêu</b>   | <b>Nội dung</b>                                                                                                                                                                                                    | <b>Đơn vị, người thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------|
| 1         | Khắc phục tồn tại | Chỉ đạo các bộ môn và GV đẩy mạnh việc chấm thi và công bố điểm đúng thời hạn, kiên quyết xử lý và đề nghị Nhà trường xử lý tập thể, cá nhân chấm thi và công bố kết quả thi, kiểm tra đánh giá chậm thời gian quy | Phòng KT&ĐBCLG<br>Khoa GDTH    | Từ năm học 2022 - 2023     |

|   |                    |                                                                                                               |           |          |
|---|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|
|   |                    | định.                                                                                                         |           |          |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tập huấn cho đội ngũ cố vấn học tập của Khoa để phối hợp tốt hơn với SV trong việc cải thiện việc học của họ. | Khoa GDTH | Hàng năm |

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

*Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã đưa ra quy trình khiếu nại KQHT của SV trong Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần và được công bố công khai **[H5.05.05.01] [H5.05.05.02]**. Điểm giữa kỳ được GV phụ trách học phần thông báo và được đưa lên phần mềm quản lý hệ thống của Nhà trường trước 01 tuần khi thi kết thúc học kỳ. Điểm cuối kỳ được giáo vụ khoa, phòng KT&ĐBCLGD đưa lên hệ thống quản lý điểm theo quy định. SV có thể tiếp cận, để xem điểm của từng học phần của mình một cách dễ dàng. Từ điểm trên hệ thống này, nếu phát hiện ra bất kỳ sai sót nào, SV có thể khiếu nại về KQHT.

Đối với điểm quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần đó khi GV công bố công khai kết quả học tập, GV giảng dạy học phần trực tiếp giải quyết các ý kiến của người học. Đối với kết quả điểm thi kết thúc học phần, sau khi người học thấy điểm thi công bố trên cổng thông tin điện tử không chính xác thì gửi đơn phúc khảo lên Phòng KT&ĐBCLGD đề nghị xem xét lại chậm nhất 1 tuần sau khi công bố điểm. Phòng KT&ĐBCLGD có nhiệm vụ tiếp nhận các khiếu nại về kết quả thi của người học. Đơn phúc khảo được lấy theo mẫu tại Phòng hoặc tại website của Phòng **[H5.05.05.03], [H5.05.05.04]**. Phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp danh sách sinh viên phúc khảo bài thi và gửi biên bản cùng bài thi chấm phúc khảo đến Khoa GDTH **[H5.05.05.05], [H5.05.05.06]**. Khoa lập danh sách phân công cán bộ chấm phúc khảo bài thi theo quy định của Nhà trường. Việc chấm phúc khảo sẽ do Trưởng bộ môn phân công hai giảng viên khác với GV chấm lần 1 để quy trình đánh giá lại được hoàn toàn khách quan. Kết quả cuối cùng phải do Trưởng bộ môn ký xác nhận mới được công bố. Điểm sau phúc khảo là kết quả cuối cùng của học phần. Nếu có sự sai lệch điểm thi thì Phòng KT&ĐBCLGD dựa vào biên bản và bài thi đã chấm phúc khảo để điều chỉnh điểm trên phần mềm quản lý hệ thống **[H5.05.05.07]**. Sau khi cập nhật điểm phúc khảo trên phần mềm quản lý hệ thống, Phòng KT&ĐBCLGD công bố kết quả phúc khảo bài thi trên trang thông tin điện tử của Trường và Phòng KT&ĐBCLGD **[H5.05.05.04]**. Phòng KT&ĐBCLGD luôn có sổ theo dõi khiếu nại, trả lời kết quả khiếu nại hàng năm

#### **[H5.05.05.08].**

KQHT khiếu nại của người học cũng được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ, chính xác trên phần mềm quản lý hệ thống và trong sổ theo dõi của Nhà trường. Sau khi chấm, kết quả điểm phúc khảo đều không thay đổi so với điểm thi phúc khảo **[H5.05.05.05], [H5.05.05.09]**. Như vậy, có thể nói quá trình phúc khảo của SV và chấm phúc khảo của GV diễn ra công khai, minh bạch, đảm bảo tính khách quan, trung thực. Từ đó tạo động lực để SV không ngừng phấn đấu, không ngừng rèn luyện trong học tập.

Trên thực tế, trong 5 năm (2017-2021) Khoa GDTH đã tổ chức rất nhiều kỳ thi với số lượng bài thi tự luận, vấn đáp, thực hành của rất nhiều học phần, nhưng số lượng bài thi có đơn đề nghị phúc khảo rất ít, đã thể hiện sự khách quan - điều này cho thấy công tác chấm thi của khoa đã đảm bảo được sự công bằng, chính xác, khách quan đối với tất cả các bài thi, kiểm tra đánh giá người học **[H5.05.05.05]**. Kết quả theo dõi cho thấy 100% đề nghị phúc tra điểm của người học được nhà trường tổ chức xác minh, trả lời kịp thời và thỏa đáng được người học đánh giá cao.

#### **2. Điểm mạnh**

- Nhà trường đã ban hành các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT của người học và được công bố công khai. Hoạt động khiếu nại, phúc tra điểm thi của người học được giải quyết kịp thời, chính xác và thỏa đáng;

- Tình trạng khiếu nại về KQHT của NH hàng năm không nhiều và được giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

#### **3. Điểm tồn tại**

Nhà trường chưa xây dựng quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến trên phần mềm quản lý hệ thống nhằm tạo điều kiện cho người học có thể phản hồi nhanh khi phát hiện sai sót.

#### **4. Kế hoạch hành động**

| <b>TT</b> | <b>Mục tiêu</b>    | <b>Nội dung</b>                                                                                                        | <b>Đơn vị, người thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------|
| 1         | Khắc phục tồn tại  | Xây dựng quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến trên phần mềm quản lý hệ thống                             | Phòng KT&ĐBCLGD<br>Tổ CNTT     | Từ năm học 2022 - 2023     |
| 2         | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục duy trì và thực hiện tốt quy trình khiếu nại, thông báo và chỉ rõ sinh viên cách thức tiếp cận với quy trình. | Khoa GDTH<br>Phòng KT&ĐBCLGD   | Hàng năm                   |

**5. Tự đánh giá:** Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

Nhìn chung, hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa GDTH

được thực hiện theo đúng quy định, bám sát các hướng dẫn của ĐHĐN và Trường ĐHSP để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa GDTH luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CĐR, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, đề thi đảm bảo độ tin cậy được bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi. Đối với các học phần kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm có thêm sự phối hợp với GV trực tiếp giảng dạy ở các trường tiểu học để đánh giá SV về các tiêu chí như thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng hành nghề, sự tuân thủ định tại các trường tiểu học, kỹ năng sống.... KQHT của người học được phản hồi kịp thời, đúng quy định hằng kỳ để để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập, giúp cải thiện việc học tập. Người học được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Số lượng sinh viên phúc khảo ít.

Tuy nhiên, việc đánh giá các CĐR liên quan đến thái độ, hành vi còn gặp khó khăn, hầu như chỉ được đánh giá thông qua 20% điểm thường xuyên, hoặc ở một số học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá của một số học phần chưa được sử dụng hiệu quả để cải thiện việc học tập của sinh viên. Nhà trường chưa triển khai hệ thống phúc khảo online để SV dễ dàng tiếp cận với quy trình phúc khảo, khiếu nại về kết quả học tập, đây là những điều mà Trường và Khoa GDTH đã nhận thấy và đề xuất các biện pháp cần khắc phục trong các năm học tới.

*Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5: 5/5 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7.*